

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số chuyên ngành: 8140114

Thanh Hóa, năm 2024

Số: 1870/QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Thông báo kết luận số 134/TB-ĐHHD ngày 4/6/2024 của Hội đồng Khoa học đào tạo Trường về việc thống nhất ban hành 8 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Quản lý giáo dục định hướng nghiên cứu** áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành Quản lý giáo dục có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT SDH. /.



★ Bùi Văn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1880/QĐ-ĐHHD, ngày 12 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Thạc sĩ Quản lý giáo dục
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Master of Educational management
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	8140114
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Giáo dục học, Khoa Tâm lý Giáo dục
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (60 tín chỉ);- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên.- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản lý giáo dục

<p>Vị trí làm việc:</p>	<p>Thạc sĩ Quản lý giáo dục tốt nghiệp tại trường Đại học Hồng Đức có thể đảm nhận các công việc như sau:</p> <p>a) Quản lý giáo dục ở các vị trí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục,...; - Cán bộ quản lý nhà trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ nhiệm khoa, Phó chủ nhiệm khoa, Tổ trưởng, Phó tổ trưởng chuyên môn và những vị trí tương đương); - Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống vĩ mô ngành Giáo dục và Đào tạo. <p>b) Cán bộ nghiên cứu và điều hành nghiên cứu về Khoa học giáo dục và quản lý giáo dục ở các Viện nghiên cứu, tổ chức chuyên về hoạt động liên quan đến giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác quản lý giáo dục trong các tổ chức xã hội khác có thực hiện chức năng giáo dục và đào tạo. <p>c) Giảng dạy, nghiên cứu về khoa học quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục và Viện nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý...</p>
<p>Khả năng học tập nâng cao trình độ:</p>	<p>Tiến sĩ trong và ngoài nước</p>
<p>Chương trình tham khảo:</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học Giáo dục http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/129 2. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học sư phạm, ĐH Thái Nguyên https://tnue.edu.vn/Article/ViewDetail.aspx?pageid=1591&mid=4721&itemid=3587 3. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học xã hội nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh https://123docz.net/document/8443037-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-quan-ly-giao-duc.htm 4. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&

	<p>view=article&id=359%3Athac-si-quan-ly-giao-duc&catid=188%3Aao-to-thc-s&Itemid=9011&lang=fr&site=34</p> <p>5. Trường cao đẳng sư phạm châu Á - Thái Lan https://www.educationmanagementdiploma.com/Master-of-Arts-in-Education-with-Leadership-and-Administration.php</p> <p>6. Đại học Quốc Gia Tây Ban Nha International University of La Rioja, Tây Ban Nha https://www.onlinestudies.com/Masters-Degree-in-Leadership-and-Management-of-Educational-Centers/Spain/UNIR/</p> <p>7. Trường Đào tạo sau đại học _ Harvard - Thạc sĩ lãnh đạo giáo dục https://www.gse.harvard.edu/masters/online-program</p> <p>8. Đại học Manchester _ Thạc sĩ Lãnh đạo giáo dục trong thực hành-Vương Quốc Anh https://promo.manchester.edu.hk/programmes-detail.php?id=6#pd-25</p>
--	---

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực QLGD, có năng lực nghiên cứu chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong quản lý giáo dục và quản trị giáo dục, có năng lực phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các khoa học ứng dụng và công nghệ; có năng lực quản lý, quản trị giáo dục; năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn giáo dục, thực tiễn quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Hiểu biết sâu rộng về khoa học Mác Lê nin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, Tâm lý học, lý luận về quản lý giáo dục và quản trị giáo dục.

PO2: Hiểu biết sâu rộng kiến thức hiện đại về quản trị nhân sự; quản trị cơ sở vật

chất, thiết bị và công nghệ trong giáo dục; quản trị nhà trường; dự báo giáo dục, quản lý xây dựng văn hóa nhà trường và quản lý sự thay đổi của cơ sở giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, có kiến thức thực tế và sâu rộng về kiểm tra, đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục;

PO3: Có kỹ năng quản trị trong giáo dục; quản lý giáo dục kỹ năng sống cho người học; Vận dụng được lý luận về quản lý giáo dục trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và xử lý các tình huống trong công tác quản lý.

PO4: Có kỹ năng truyền đạt tri thức, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; Kỹ năng phân tích, đánh giá về các hoạt động giáo dục, các hoạt động quản lý và giải quyết các tình huống trong các cơ sở giáo dục.

PO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ, tin học trong giảng dạy, quản trị nhà trường và nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

PO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập, rèn luyện, thực hiện các nhiệm vụ trong các cơ sở giáo dục và quản trị nhà trường, nghiên cứu khoa học.

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác – Lênin để xây dựng một thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, kiến thức Tâm lý học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục;

PLO2. Kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, hiện đại và tiên tiến về khoa học quản lý giáo dục và kiến thức liên ngành có liên quan; nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong quản lý giáo dục, quản trị cơ sở giáo dục; phương pháp nghiên cứu trong quản lý giáo dục; kiến thức thực tế và chuyên sâu về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, về thanh tra, kiểm tra trong giáo dục; Kinh tế học giáo dục; dự báo giáo dục, phát triển chương trình giáo dục, quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ trong nhà trường.

PLO3: Phân tích, đánh giá thực tiễn và xu hướng giáo dục; nghiên cứu và dự báo giáo dục, xây dựng chính sách và chiến lược phát triển giáo dục; các nghiên cứu về tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục

2.2. Kỹ năng

PLO4: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong quản trị giáo dục để đưa ra các giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả; Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những cán bộ QLGD và những người có liên quan.

PLO5: Kỹ năng quản trị nhà trường, kỹ năng lập kế hoạch quản trị và quản lý

trong cơ sở giáo dục; quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, kỹ năng quản lý sự thay đổi trường học và lời cuốn đồng nghiệp tham gia; kỹ năng thanh tra, đánh giá trong giáo dục nhà trường, tư vấn hướng đồng nghiệp cùng thực hiện; kỹ năng quản trị trong cơ sở giáo dục; kỹ năng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho người học; kỹ năng dự báo giáo dục, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục, quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ trong nhà trường; Vận dụng được lý luận về quản lý giáo dục trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và xử lý các tình huống trong công tác quản lý.

PLO6: Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ linh hoạt, sáng tạo trong học thuật và quản trị cơ sở giáo dục; có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

PLO7: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; Đưa ra những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị, quản lý giáo dục; Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị và quản lý giáo dục.

PLO8: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong quản lý, quản trị trong cơ sở giáo dục và quản lý hoạt động KHGD; tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 16 TC	Bắt buộc	10
		Tự chọn	06
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 10 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	04
4	Chuyên đề nghiên cứu 12 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	06
5	Luận văn tốt nghiệp 15 TC	Bắt buộc	15
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
I	Khối kiến thức chung									
1	8THXH1	Triết học	04	42	36		180	1	Lý luận Mác - Lênin	
2	8TA001	Tiếng Anh	03	27	18	18	135	1	Ngoại ngữ chuyên	
II	Khối kiến thức cơ sở ngành									
	Các học phần bắt buộc									
1	1TL101	Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục	04	40	25	15	180	1	Tâm lý học	
2	1GD104	Khoa học tổ chức và quản lý	03	30	20	10	135	1	GDH	
3	1GD105	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	03	30	20	10	135	2	GDH	
	Các học phần tự chọn									
	Chọn 2/6 học phần sau:									
1	1GD210	Thực tế chuyên môn	03	30	20	10	135	2	GDH	
2	1GD206	Quản trị và phát triển công tác XHH giáo dục	03	30	20	10	135	2	GDH	
	1GD101	Dự báo giáo dục	03	30	20	10	135	2	GDH	
	1GD212	Tình huống trong quản lý giáo dục	03	30	20	10	135	2	GDH	
	1QG208	Chính sách và kế	03	30	20	10	135	2	GDH	

TT	Mã số	Tên học phần	≡	Số giờ tín chỉ				b	n	t	a	n	l
		hoạch phát triển giáo dục											
	1GD213	Phát triển chương trình giáo dục	03	30	20	10	135	2					
III	Khối kiến thức chuyên ngành												
	Các học phần bắt buộc												
1	1GD201	Tiếp cận hiện đại và Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	03	30	20	10	135	2					GDH
2	1GD202	Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường	03	30	20	10	135	2					GDH
	Các học phần tự chọn												
	Chọn 1/2 học phần sau:												
1	1GD214	Thanh tra, kiểm tra trong giáo dục	04	40	25	15	180	3					GDH
	1GD203	Quản trị cơ sở vật chất và thiết bị và công nghệ trong nhà trường	04	40	25	15	180	3					GDH
	Chuyên đề nghiên cứu												
	Chuyên đề bắt buộc												
	1GDC10	Quản trị nhà trường	03				135	3					GDH
	1GDC07	Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	03				135	3					GDH
	Chuyên đề tự chọn												
	Chọn 2/4 chuyên đề sau												
	1GDC03	Quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục	03				135	3					GDH
	1GDC11	Quản trị nguồn lực trong giáo dục	03				135	3					GDH

TT	Mã số	Tên học phần	≡	Số giờ tín chỉ				≡	≡	≡
	1GDC06	Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường	03			135	3			GDH
	1GDC12	Quản lý giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường	03			135	3			GDH
IV	1QGLV1	Luận văn tốt nghiệp	15		450	675	4			GDH

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên:

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó giáo sư	05	02	07
Tiến sỹ	06	06	12

4.2. Phòng học

- Có đủ các phòng học và thiết bị dạy học phục vụ quá trình đào tạo

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng: Để đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT cần trang bị hệ thống phòng phòng học được trang bị máy chiếu, loa mic và các điều kiện cần thiết cho dạy và học.

Hiện tại nhà trường đã trang bị hệ thống phòng học hiện đại, có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo.

Thư viện:

Trung tâm Thông tin tư liệu cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại. Khoảng 5.5% nguồn tài liệu nói trên phục vụ trực tiếp và đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành QLGD, cụ thể hơn 100 đầu sách các chuyên ngành về QLGD, và hơn 100 sách giáo trình, tài liệu tham khảo trong đó 51 tài liệu tham khảo thuộc chương trình đào tạo ngành QLGD.

Năm 2021, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc

hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành thạc sĩ QLGD.

4.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: *Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình.*

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, TTGDNN- GDĐT (trong và ngoài tỉnh)
2	Các phòng giáo dục và Đào tạo (trong và ngoài tỉnh)
3	Các cơ sở giáo dục chuyên biệt

V. Đề cương học phần

M1: TRIẾT HỌC/Philosophy

- Số tín chỉ: 04 (42 Lý thuyết, 36 Thảo luận)
- Mã học phần: 8THXH1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

- Năng lực đạt được: Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- *CO1*: Cũng cố kiến thức triết học Mác – Lênin đã được học ở bậc Đại học. Mở rộng và nâng cao hiểu biết về các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

- *CO2*: Rèn luyện và phát triển tư duy lôgic, biện chứng cho người học. Giúp người học vận dụng được những kiến thức đã học vào việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên ngành được đào tạo.

- *CO3*: Người học có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, cởi mở và thiện chí trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Có thái độ khách quan, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu môn học để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.

CLO2: Vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

CLO3: Người học nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện. Hình thành ở người học phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Đủ năng lực vận dụng kiến thức triết học để nắm bắt và độc lập giải quyết những vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1	4	4	0	0	0	12
Chương 2	5	4	0	0	0	15
Chương 3	8	6	0	0	0	24
Chương 4	4	4	0	0	0	12
Chương 5	8	6	0	0	0	24
Chương 6	4	4	0	0	0	12
Chương 7	4	4	0	0	0	12
Chương 8	5	4	0	0	0	15

Tổng	42	36	0	0	0	180
-------------	-----------	-----------	----------	----------	----------	------------

**Chương 1: Khái luận về triết học
(4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)**

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1. Triết học và đối tượng của triết học.

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

3.1. Triết học Mác – Lênin.

3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Chương 2: Bản thể luận

(5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

1.1. Khái niệm bản thể luận.

1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

2.2. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phép biện chứng (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .

3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Chương 4: Nhận thức luận (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nội dung của nguyên tắc.

4.2 Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 6: Triết học chính trị (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

2.1 Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

3.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

Chương 7: Ý thức xã hội (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

2.1 Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

3.2 Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

Chương 8: Triết học về con người (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

1.1. Triết học phương Đông

1.2. Triết học phương Tây trước Mác

1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

2.1. Khái niệm con người

2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người

4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO..
Thuyết trình	X			
Vấn đáp		x	x	
Tự học	X	x	x	
Thảo luận	X	x	x	

Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm			x	
Nghiên cứu tình huống		x	x	

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiểu luận)	CLO1 CLO2	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Học viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Học viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Học viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Hữu Vui (1997) *Lịch sử triết học*, Nxb CTQG, Hà Nội .

M2: ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18TH, 18TL)

- Mã học phần: 8TA001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngôn ngữ - Văn hóa và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo *Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT*)

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Hệ thống hóa kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ điểm quen thuộc và lĩnh vực chuyên môn (Kiến thức)

- CO2: Vận dụng được các kiến thức ngôn ngữ Anh để thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thành thạo ở bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. (Kỹ năng)

- CO3: Có sự yêu thích đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm cũng như chủ động tự học, tự nghiên cứu. (Mức tự chủ và chịu trách nhiệm)

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hệ thống hóa vốn từ vựng, ngữ pháp ở trình độ B2

- CLO2: Phân tích và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi.

- CLO3: Tự nhiên hóa các cách thức giao tiếp về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.

- **CLO4:** Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận

- **CLO5:** Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản khác nhau để xây dựng một bài văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.

- **CLO6:** Hình thành khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh; chủ động tiếp thu kiến thức và sử dụng tiếng Anh trên lớp học cũng như trong các tình huống thực tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: Bands and Fands

(2LT,

1TH, 1TL)

1.1 Grammar: Present simple vs present continuous

1.2. Practise skills

Unit 2: Relative values

(2LT,

1,5TH, 1,5TL)

2.1. vocabulary: People and society

2.2. -ing form or infinitive

2.3. Practise skills

Unit 3: Things that matter

(2LT,

1TH, 1TL)

3.1. Grammar: Present perfect and past simple

3.2. Practise skills

Unit 4: Battling nature

(2LT,

1TH, 1TL)

4.1. Grammar: Articles

4.2. Practise skills

Unit 5: Eat your heart out!

(2LT,

1,5TH, 1,5TL)

5.1. Grammar: Countable and uncountable nouns

5.2. Vocabulary: Food and drink

5.3. Practise skills

Unit 6: On camera

(2LT,

1,5TH, 1,5TL)

6.1. Future time

6.2. Vocabulary: Entertainment

6.3. Practise skills	
Unit 7: A home from home	(1LT,
2TH, 2TL)	
7.1. Modal verbs	
7.2. Practise skills	
Unit 8: Moving on!	(2LT,
1,5TH, 1,5TL)	
8.1. Vocabulary: Work and Business	
8.2. Reported speech	
8.3. Practise skills	
Unit 9: Lucky break	(2LT, 1,5TH,
1,5TL)	
9.1. Conditionals	
9.2. Vocabulary: Hobbies, sport and games	
9.3. Practise skills	
Unit 10: Virtual friend	(2LT,
1TH, 1TL)	
10.1. Conditionals (special cases)	
10.2. Practise skills	
Unit 11: Living on the edge	(2LT,
1TH, 1TL)	
11.1. Conditionals (mixed)	
11.2. Practise skills	
Unit 12: Crime science	(2LT,
1TH, 1TL)	
12.1. Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)	
12.2. Practise skills	
Unit 13: Who are you again	(2LT,
1TH, 1TL)	
13.1. Modal verbs (ability)	
13.2. Practise skills	
Unit 14: Say what you mean	(2LT, 1,5TH,
1,5TL)	
14.1. Vocabulary: Science and Technology	
14.2. Revision	
5. Hình thức dạy - học	

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình			X			X
Vấn đáp		X	X			X
Tự học	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X		X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1	20%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1	20%
			CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 3 (Kiểm tra viết)	CLO1	30%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 3 (Thi viết)	CLO1	50%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí 1 buổi ôn tập và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học:

9.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Jan Bell and Amanda Thomas (2005). *Gold First*, Pearsons (Kí hiệu HLBB1)

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006). *Destination B2: Grammar and Vocabulary*, Macmillan Education

2. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*. NXB Thanh Hóa

3. Nguyễn Thị Quyết (2019). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B*. NXB Thanh Hóa

M3: ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC /Applying psychology in education management

- Số tín chỉ: 04 (40 LT; 25 TL, 15 TH)
- Mã học phần: 1TL101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục gồm 5 chương. Chương 1: Tâm lý người lãnh đạo trong nhà trường; Chương 2: Một số vấn đề tâm lý người lao động và tổ chức; Chương 3: Tạo động lực làm việc cho giáo viên trong quản lý giáo dục; Chương 4: Quản lý nhân sự trong quản lý giáo dục; Chương 5: Xây dựng môi trường tâm lý- xã hội trong nhà trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên phân tích được các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong nhà trường, các đặc điểm tâm lý của người lao động và tổ chức, phương pháp tạo động lực làm việc cho giáo viên, quản lý nhân sự trong quản lý giáo dục và xây dựng môi trường tâm lý xã hội trong nhà trường.

- CO2: Có kỹ năng nghiên cứu và vận dụng các kiến thức Tâm lý học vào giải quyết các tình huống trong quản lý giáo dục.

- CO3: Tích cực, chủ động trong quá trình học tập; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về những kết luận của chuyên môn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Vận dụng các kiến thức tâm lý học để nhận diện các đặc điểm tâm lý của của người lãnh đạo (nhân cách, quyền lực, ê kíp lãnh đạo), người lao động (nhu cầu, động cơ, năng lực, tính cách, khí chất, sự thay đổi định hướng giá trị của người lao động...) và những đặc điểm tâm lý cơ bản của tổ chức (cấu trúc, xung đột trong tổ chức, bầu không khí tâm lý trong tổ chức, các quy luật tâm lý cá nhân, tâm lý nhóm trong hoạt động quản lý - lãnh đạo...)

- CLO2: Vận dụng kiến thức tâm lý học để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giáo viên và các phương pháp tạo động lực làm việc cho giáo viên; phân tích được các nội dung quản trị nhân sự trong nhà trường và xác định được các biện pháp xây dựng môi trường tâm lý - xã hội trong nhà trường.

3.2. Kỹ năng

- CLO3: Phân tích, tổng hợp kiến thức tâm lý học để đánh giá, lý giải các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo, của người lao động và tổ chức.

- CLO4: Phân tích, tổng hợp kiến thức tâm lý học để đưa ra cách giải quyết các tình huống trong thực tiễn quản trị nhân sự một cách sáng tạo và có hiệu quả.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO 5: Nghiên cứu đưa ra các sáng kiến, các biện pháp nhằm tạo động lực làm việc, xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ sở giáo dục.

- CLO 6: Tự chủ, tự thích nghi với môi trường nơi làm việc; tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tâm lý người lãnh đạo trong nhà trường (18 tiết: 10 tiết lý thuyết, 8 tiết thảo luận)

1. Những vấn đề chung của tâm lý học quản lý, lãnh đạo
2. Nhân cách người quản lý, lãnh đạo
 - 2.1. Phẩm chất và năng lực của nhà quản lý - lãnh đạo
 - 2.2. Tâm nhìn của người lãnh đạo
 - 2.3. Phong cách quản lý - lãnh đạo
 - 2.4. Uy tín của nhà quản lý - lãnh đạo
 - 2.5. Những đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý.
 - 2.6. Vấn đề nhân cách của người quản lý, lãnh đạo trong nhà trường hiện nay
3. Quyền lực của người lãnh đạo.
 - 3.1. Khái niệm quyền lực
 - 3.2. Ý thức về quyền lực
 - 3.3. Các hình thức cơ bản của quyền lực
 - 3.4. Quyền lực chính trị trong quản lý lãnh đạo
 - 3.5. Sự suy đồi quyền lực
4. Ê kíp lãnh đạo
 - 4.1. Khái niệm Ê kíp lãnh đạo
 - 4.2. Các thành tố cơ bản của ê kíp lãnh đạo
 - 4.3. Một số mô hình ê kíp lãnh đạo

Chương 2: Một số vấn đề tâm lý của người lao động và tổ chức (16 tiết: 10 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Những đặc điểm tâm lý cơ bản của người lao động
 - 1.1. Nhu cầu
 - 1.2. Động cơ
 - 1.3. Năng lực
 - 1.4. Tính cách
 - 1.5. Khí chất

- 1.6. Định hướng giá trị
2. Những đặc điểm tâm lý cơ bản của tổ chức
 - 2.1. Khái niệm tổ chức
 - 2.2. Những đặc điểm về cấu trúc của tổ chức
 - 2.3. Xung đột trong tổ chức
 - 2.4. Bầu không khí tâm lý trong tổ chức.

**Chương 3: Tạo động lực làm việc cho giáo viên trong quản lý giáo dục
(16 tiết: 6 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận, 6 tiết thực hành)**

1. Động lực làm việc
 - 1.1. Khái niệm động lực và động lực làm việc
 - 1.2. Các học thuyết về tạo động lực làm việc
 - 1.3. Các nguyên tắc tạo động lực làm việc
2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giáo viên
 - 2.1. Các yếu tố thuộc về giáo viên
 - 2.2. Các yếu tố thuộc về công việc
 - 2.3. Các yếu tố thuộc về người quản lý
3. Phương pháp tạo động lực làm việc cho người giáo viên
 - 3.1. Tạo động lực làm việc cho người giáo viên thông qua vật chất
 - 3.2. Tạo động lực làm việc cho người giáo viên thông qua kích lệ phi vật chất
4. Vấn đề tạo động lực làm việc cho giáo viên trong các nhà trường hiện nay.

**Chương 4: Quản lý nhân sự trong quản lý giáo dục
(14 tiết: 6 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận, 4 tiết thực hành)**

1. Tầm quan trọng của công tác quản lý nhân sự trong nhà trường
2. Chức năng, nhiệm vụ của Hiệu trưởng trong quản lý nhân sự
 - 2.1. Chức năng của Hiệu trưởng trong quản lý nhân sự
 - 2.2. Những kỹ năng quản lý nhân sự của người Hiệu trưởng
3. Những đặc điểm cơ bản của tập thể sư phạm trong nhà trường
4. Một số yêu cầu đối với cán bộ quản lý giáo dục trong quản lý nhà trường
5. Nội dung quản lý nhân sự trong giáo dục
 - 5.1. Tuyển dụng nhân sự
 - 5.2. Phân công nhân sự
 - 5.3. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng nhân sự
 - 5.4. Đánh giá nhân sự
6. Thực hành giải quyết các tình huống trong quản lý, phát triển nhân sự trong nhà trường

Chương 5: Xây dựng môi trường tâm lý- xã hội trong nhà trường

(16 tiết: 8 tiết lý thuyết, 3 tiết thảo luận, 5 tiết thực hành)

1. Khái niệm môi trường tâm lý- xã hội trong nhà trường
2. Ý nghĩa của môi trường TL - XH trong nhà trường
3. Yêu cầu đối với việc xây dựng môi trường TL - XH trong nhà trường
4. Các biện pháp xây dựng môi trường tâm lý- xã hội trong nhà trường
 - 4.1. Xây dựng nội qui, quy tắc ứng xử dựa trên tinh thần hợp tác
 - 4.2. Xây dựng mối quan hệ tình cảm, thân thiện giữa cán bộ giáo viên trong nhà trường
 - 4.3. Phát triển mối quan hệ tốt giữa cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên
5. Thực hành: Các biện pháp xây dựng môi trường tâm lý xã hội tại đơn vị công tác.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x		
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Chuyên đề						
Đồ án/Dự án						

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				20%

1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6	
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm -Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Vũ Dũng (2017), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Đại học Sư Phạm

10.2. Học liệu tham khảo

1. Trần Quốc Thành, Dương Hải Hưng (2015), *Quản lý nhân sự trong giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Tư (Chủ biên), (2014), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Sư phạm

M4: KHOA HỌC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ/ Overview of organizational science

- Số tín chỉ: 03 (30 Lý thuyết, 10 thực hành, 20 thảo luận- bài tập)

- Mã học phần: **1QG104**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Khoa học tổ chức và quản lý gồm 6 chương.

Chương 1: Giới thiệu nhập môn về khoa học tổ chức và quản lý bao gồm sự hình thành, phát triển khoa học tổ chức, mối quan hệ giữa quản lý và tổ chức. Chương 2: Khái quát về lý luận về khoa học tổ chức và quản lý bao gồm đặc điểm cơ bản của tổ chức, phân cấp quản lý trong tổ chức; phân loại tổ chức; cơ cấu tổ chức; đối tượng nghiên cứu... và các bài tập vận dụng; Các chương 3, 4, 5, 6, trình bày một cách có hệ thống một số quy luật cơ bản của tổ chức học; lợi ích, xung đột và quyền lợi trong tổ chức; đặc trưng văn hóa, tổ chức; các yếu tố cấu thành văn hóa tổ chức; phân tích quy trình phát triển và vận dụng thiết kế tổ chức hiện nay.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Nắm vững những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận khoa học tổ chức và quản lý bao gồm đặc điểm cơ bản của tổ chức, phân cấp quản lý trong tổ chức; phân loại tổ chức; cơ cấu tổ chức...

CO2: Phân tích được các thành tố cơ bản của tổ chức; các lợi ích và mâu thuẫn trong tổ chức; quy trình các bước xây dựng văn hoá tổ chức, quản lý sự thay đổi của tổ chức và giải quyết mâu thuẫn trong theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại

CO3: Sắp xếp được tổ chức, nhận diện các mâu thuẫn, các tình huống xảy ra trong tổ chức.

CO4: Thực hiện thiết kế được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp luận khoa học tổ chức và quản lý.

CO5: Xây dựng uy tín lãnh đạo, văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức. Hình thành năng lực và thói quen ứng xử theo văn hoá tổ chức đơn vị hoạt động của bản thân.

CO6: Biết cách thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Nắm vững những kiến thức cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa tổ chức và quản lý; Nắm vững những kiến thức cơ bản, cốt lõi về lý luận khoa học tổ chức

và quản lý bao gồm đặc điểm cơ bản của tổ chức, phân cấp quản lý trong tổ chức; phân loại tổ chức; cơ cấu tổ chức...

CLO2: Xác định được sự thay đổi của tổ chức và giải quyết mâu thuẫn trong theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại

CLO3: Sắp xếp được tổ chức, nhận diện các mâu thuẫn, các tình huống xảy ra trong tổ chức.

CLO4: Thực hiện thiết kế được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp luận khoa học tổ chức và quản lý.

CLO5: Xây dựng uy tín lãnh đạo, văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức. Hình thành năng lực và thói quen ứng xử theo văn hoá tổ chức đơn vị hoạt động của bản thân, xây dựng và giữ gìn uy tín người quản lý.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Nhập môn khoa học tổ chức và quản lý (số tiết 5LT, 0TH, 5TL-BT)

1. Sự ra đời khoa học tổ chức và quản lý
2. Khái niệm về tổ chức và quản lý
3. Mối quan hệ giữa tổ chức và quản lý

Chương 2: Một số vấn đề lí luận về khoa học tổ chức và quản lý (số tiết 5LT, 0TH, 5TL-BT)

1. Đặc điểm cơ bản của tổ chức, phân cấp quản lý trong tổ chức
2. Phân loại tổ chức
3. Cơ cấu tổ chức
4. Vận dụng xác định xây dựng cơ cấu tổ chức của đơn vị mình công tác.

Chương 3: Một số quy luật cơ bản của tổ chức học (số tiết 5LT, 0TH, 5TL-BT) (4TL;7TL)

1. Quy luật mục tiêu rõ ràng và tính hiệu quả của tổ chức
2. Quy luật hệ thống
3. Quy luật cấu trúc đồng nhất và đặc thù của tổ chức
4. Quy luật vận động không ngừng và vận động theo quy trình của tổ chức
5. Quy luật tự điều chỉnh trong tổ chức
6. Vận dụng các quy luật của tổ chức vào thực tiễn

Chương 4: Lợi ích, xung đột và quyền lợi trong tổ chức (số tiết 5LT, 5TH, 5TL-BT)

1. Lợi ích trong tổ chức
 - 1.1 Lợi ích cá nhân
 - 1.2 . Lợi ích nhóm
2. Xung đột trong tổ chức
 - 2.1. Xung đột trong tổ chức

- 2.1. Lợi ích của xung đột trong tổ chức
- 3. Quyền lực trong tổ chức
 - 3.1. Khái niệm quyền lực
 - 3.2. Sử dụng quyền lực trong tổ chức
- 4. Vận dụng xác định lợi ích, xung đột và quyền lợi trong đơn vị

Chương 5: Văn hóa tổ chức (số tiết 5LT, 5TH, 0TL-BT)

- 1. Khái niệm, đặc trưng Văn hóa, tổ chức
 - 1.1 Khái niệm văn hóa tổ chức
 - 1.2. Đặc trưng của văn hóa tổ chức
- 2. Các yếu tố cấu thành văn hóa tổ chức
- 3. Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa tổ chức
- 4. Vận dụng xây dựng văn hoá của đơn vị.

Chương 6: Phân tích và thiết kế tổ chức (số tiết 5LT, 0TH, 5TL-BT)

- 1. Tiến hóa của tổ chức
 - 1.1. Nhu cầu tiến hóa của tổ chức
 - 1.2. Tiến hóa của tổ chức mang tính chu kỳ.
- 2. Phân tích tổ chức
 - 2.1. Ý nghĩa của phân tích tổ chức
 - 2.2. Phân tích tổ chức
- 3. Thiết kế tổ chức
 - 3.1. Khái niệm thiết kế tổ chức
 - 3.2. Căn cứ thiết kế tổ chức
 - 3.3. Các bước thiết kế tổ chức
- 4. Vận dụng thiết kế 1 tổ chức

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x				
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x			x
Thảo luận	x	x	x		x
Thực hành			x	x	x
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm	x	x	x		
Nghiên cứu tình huống					
Chuyên đề					

Đồ án/Dự án					
....					

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric.2	CLO1,2,3,4	30%
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric 2	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
...			CLO4	
Chuyên cần, tích cực				20%
...	Ý thức, thái độ, tính độc lập...	Rubric 1	CLO5	
Thi cuối kì 50%				50%
...	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1 Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Kiểm, Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục NXB ĐHSP, Hà Nội 2012
2. Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1999.

10.2. Tài liệu tham khảo

3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá – Thông tin.
4. Nguyễn Bá Dương - TS. Phạm Hồng Quý (Đồng chủ biên)(2018), *Giáo trình khoa học tổ chức và quản lý*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật

M5: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ Scientific resesearch method of education management

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)
- Mã học phần: IGD105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 4 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 2: Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 3: Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 4: Kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục 10 tiết

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học viên nắm vững các vấn đề lý luận về nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục như : các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu, logic tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học QLGD

CO2 : Học viên có kỹ năng lựa chọn và tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

CO3: Từ những kiến thức và kỹ năng của học phần, học viên hình thành và rèn luyện những phẩm chất, năng lực của nhà nghiên cứu, Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học giáo dục; Say mê nghiên cứu và tích cực áp dụng các kết quả nghiên cứu trong khoa học quản lý giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp và đổi mới quản trị các cơ sở giáo dục.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Học viên Người học có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng về lý luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; các vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục;

CLO2: Nắm vững các bước xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu; biết lựa chọn các phương pháp nghiên cứu để giải quyết nhiệm vụ của đề tài khoa học quản lý giáo dục;

3.2. Kỹ năng

CLO3: Học viên có các kỹ năng như: Xác định vấn đề nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu...có khả năng lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với vấn đề đã chọn; Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp quản lý mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

CLO4: Kỹ năng ứng dụng CNTT trong xử lý, phân tích số liệu, kỹ năng viết báo cáo đề tài NCKH quản lý giáo dục

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Vận dụng những hiểu biết về môn học rèn luyện những phẩm chất và năng lực nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục;

CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong thực hiện nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục;

2.3. Thái độ

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Những vấn đề chung về Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

10 tiết (5LT, 5 TL - BT, 0TH)

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Khoa học quản lý giáo dục.

1.2. Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

1.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

2.1. Đề tài nghiên cứu trong quản lý giáo dục.

2.2. Phân loại đề tài nghiên cứu trong quản lý giáo dục

2.3. Lựa chọn đề tài nghiên cứu và đặt tên đề tài trong nghiên cứu quản lý giáo dục.

3. Xây dựng đề cương nghiên cứu trong nghiên cứu quản lý giáo dục.

3.1. Mục đích xây dựng đề cương nghiên cứu.

3.2. Mẫu đề cương nghiên cứu khoa học.

3.3. Kỹ thuật viết đề cương nghiên cứu trong quản lý giáo dục.

4. Chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

4.1. Tại sao chọn mẫu trong nghiên cứu quản lý giáo dục.

4.2. Mẫu và tổng thể nghiên cứu trong nghiên cứu quản lý giáo dục.

4.3. Cách chọn mẫu nghiên cứu trong tổ chức nghiên cứu quản lý giáo dục.

Bài tập thực hành : Xác định đề tài nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu quản lý giáo dục.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

20 tiết (10 LT, 5 TL - BT, 5 TH)

1. Phương pháp nghiên cứu định lượng

2. Phương pháp nghiên cứu định tính

3. Xử lý số liệu định lượng bằng SPSS và một số phần mềm thống kê, phân tích

4. Thực hành thu thập, xử lý và phân tích số liệu định tính, định lượng

Chương 3: Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

20 tiết (9 LT, 6 TL, 5TH)

1. Xác định vấn đề nghiên cứu

2. Tổng quan nghiên cứu

3. Xây dựng đề cương nghiên cứu

4. Thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu

5. Kiểm chứng kết quả nghiên cứu

6. Viết báo cáo công trình nghiên cứu khoa học QLGD

Chương 4: Kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục 10 tiết

6LT, 4 TL - BT, 0 TH

I. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

1. Kỹ thuật viết đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.

2. Kỹ thuật viết tóm tắt công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

II. Tổ chức đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục

1. Mục đích đánh giá trong nghiên cứu quản lý giáo dục.
2. Tiêu chuẩn đánh giá đề tài nghiên cứu quản lý giáo dục.
3. Các hình thức tổ chức đánh giá công trình nghiên cứu quản lý giáo dục.

Bài tập thực hành: Viết một tiểu luận nghiên cứu một vấn đề quản lý giáo dục.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				50%

Handwritten signature

1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hiền (chủ biên), Phạm Ngọc Long, Ngô Thị Trang (2020), *Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

M6: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC/ *Curriculum Development*

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)

- Mã học phần: 1GD213

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục; Chương 2: Quy trình phát triển chương trình giáo dục; Chương 3: Phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học viên nắm vững các vấn đề lý luận về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục

CO2 : Học viên có kỹ năng trình phát triển chương trình, từ phân tích nhu cầu, xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, thiết kế các loại chương trình, thực thi chương trình và đánh giá chương trình giáo dục

CO3: Từ những kiến thức và kỹ năng của học phần, học viên hình thành ý thức và trách nhiệm đề tích cực áp dụng mô hình phát triển chương trình giáo dục nhằm góp phần phát triển chương trình giáo dục tại đơn vị công tác.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Hiểu đầy đủ về chương trình giáo dục, xác định được các yếu tố cấu thành của chương trình và mối quan hệ qua lại giữa các thành tố đó; Phân biệt được các cách tiếp cận trong phát triển chương trình, ưu nhược điểm của mỗi cách tiếp cận;

CLO2: Xác định được các bước trong chu trình phát triển chương trình và vận dụng vào thiết kế chương trình nhà trường.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Thiết kế được chương trình giáo dục (ở các bậc học);- Tổ chức thực thi một chương trình

CLO4: Đánh giá, tổ chức đánh giá, cải tiến một chương trình giáo dục.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Nhận thức được vai trò quyết định của chương trình đối với chất lượng giáo dục;

CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong thực hiện về phát triển chương trình trong nghề nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục

10 tiết (6LT; 4TL - BT, 0TH)

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.2. Lịch sử xây dựng chương trình

1.3. Cách tiếp cận xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo

1.3.1. Cách tiếp cận nội dung

1.3.2. Cách tiếp cận mục tiêu

1.3.3. Cách tiếp cận phát triển

1.3.4. Cách tiếp cận tích hợp

1.4. Nguyên tắc xây dựng chương trình

Chương 2: Quy trình phát triển chương trình giáo dục

32 tiết (12 LT; 10 TL - BT; 10TH)

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2. Quy trình phát triển chương trình đào tạo

2.3. Thiết kế chương trình.

2.4. Lựa chọn và thực thi chương trình

2.5. Đánh giá chương trình.

Chương 3: Phát triển chương trình giáo dục nhà trường

24 tiết (4LT; 8TL -BT; 12TH)

3.1. Phát triển chương trình giáo dục trường phổ thông

3.2. Phát triển chương trình giáo dục trường đại học, cao đẳng và dạy nghề

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%

2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Ngọc Long (2015), Phát triển và quản lý chương trình giáo dục, Nxb Đại học sư phạm.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

M7: DỰ BÁO GIÁO DỤC / Forecast in education

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)
- Mã học phần: 1GD101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 3 chương, chương 1: Những vấn đề cơ bản về dự báo, chương 2: Dự báo giáo dục; chương 3: Phương pháp dự báo giáo dục

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học viên nắm vững các vấn đề lý luận về dự báo giáo dục.

CO2 : Học viên có kỹ năng dự báo giáo dục, vận dụng các lý thuyết về dự báo giáo dục để áp dụng trong đơn vị công tác.

CO3: Từ những kiến thức và kỹ năng của học phần, học viên hình thành và rèn luyện những phẩm chất, năng lực dự báo của nhà giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở đơn vị công tác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

CLO1 : Người học có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng về dự báo giáo dục; tiếp nhận, hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản về dự báo: Khái niệm, tính chất, chức năng, vai trò, phân loại dự báo giáo dục;

CLO2: Hiểu đầy đủ các nguyên tắc dự báo giáo dục; nội dung dự báo và các phương pháp dự báo và phương pháp dự báo giáo dục.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về dự báo giáo dục vào việc tìm hiểu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành;

CLO4: Hình thành và rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá được các vấn đề có liên quan đến dự báo và dự báo giáo dục; Biết cách lựa chọn các phương pháp để tiến hành dự báo giáo dục (dự báo qui mô GV, qui mô HS,...)

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Vận dụng những hiểu biết về môn học rèn luyện những phẩm chất và năng lực dự báo của nhà giáo dục đáp ứng với yêu cầu của nghề dạy học.

CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong thực hiện dự báo giáo dục để quản lý và phát triển đơn vị

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DỰ BÁO
16 tiết (10 LT, 6 TL - BT, 0 TH)

- 1. Khái niệm dự báo**
- 2. Tính chất của dự báo**
- 3. Chức năng của dự báo**
 - 3.1. Chức năng tham mưu
 - 3.2. Chức năng khuyến nghị hay điều chỉnh.
- 4. Vai trò của dự báo**
- 5. Phân loại dự báo**
 - 5.1. Theo đối tượng dự báo
 - 5.1.1. Dự báo kinh tế
 - 5.1.2. Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ
 - 5.1.3. Dự báo dân số và nguồn nhân lực
 - 5.1.4. Dự báo xã hội
 - 5.1.5. Dự báo môi trường sinh thái
 - 5.2. Theo tầm xa của dự báo
 - 5.2.1. Dự báo tác nghiệp
 - 5.2.2. Dự báo ngắn hạn
 - 5.2.3. Dự báo trung tâm
 - 5.2.4. Dự báo dài hạn.
 - 5.3. Theo chức năng của dự báo.
 - 5.3.1. Dự báo tìm kiếm
 - 5.3.2. Dự báo định chuẩn
 - 5.4. Theo hình thức biểu hiện của kết quả dự báo
 - 5.4.1. Dự báo số lượng
 - 5.4.2. Dự báo chất lượng
 - 5.5. Theo quy mô, cấp độ của đối tượng dự báo
 - 5.5.1. Dự báo vĩ mô
 - 5.5.2. Dự báo vi mô
- 6. Hai cách tiếp cận cơ bản trong khoa học dự báo**
 - 6.1. Tiếp cận dự báo nghiên cứu
 - 6.2. Tiếp cận dự báo định mức

CHƯƠNG 2
DỰ BÁO GIÁO DỤC
20 tiết (10 LT, 6 TL -BT, 4TH)

- 1. Khái niệm dự báo giáo dục**

2. Đối tượng dự báo giáo dục
3. Ý nghĩa của dự báo trong giáo dục
4. Những nguyên tắc có tính chất phương pháp luận và nguyên tắc đặc thù của dự báo giáo dục
 - 4.1. Nguyên tắc tính khách quan
 - 4.2. Nguyên tắc tính nhận thức
 - 4.3. Nguyên tắc quyết định luận
 - 4.4. Nguyên tắc tính phát triển
 - 4.5. Nguyên tắc tính lịch sử
 - 4.6. Nguyên tắc sự thống nhất lý luận và thực tiễn
5. Nội dung cơ bản của dự báo giáo dục
6. Thực hành

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO GIÁO DỤC
 24 tiết (10 LT, 8 TL - BT, 6TH)

1. Khái niệm phương pháp dự báo giáo dục
2. Phân loại các phương pháp dự báo
3. Một số phương pháp dự báo
4. Lựa chọn phương pháp dự báo
5. Tổ chức quá trình nghiên cứu dự báo giáo dục
 - 5.1. Giai đoạn định hướng
 - 5.2. Giai đoạn thu thập các thông tin, dữ liệu liên quan
 - 5.3. Giai đoạn xây dựng mô hình dự báo
 - 5.4. Tính toán các tham số và kết quả dự báo
 - 5.5. Đánh giá độ tin cậy của các kết quả dự báo
 - 5.6. Khẳng định kết quả dự báo, đề xuất, khuyến nghị các vấn đề có liên quan.
5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x

Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Kiểm (2015), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

M8: KINH TẾ HỌC GIÁO DỤC/ educational economics

- Số tín chỉ: 03 (30Lý thuyết; 10 thực hành; 20Thảo luận-bài tập)

- Mã học phần: 1GD103

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần bao gồm 5 chương, Chương 1. Tổng quan về kinh tế giáo dục; Chương 2. Lợi ích của giáo dục; Chương 3. Đầu tư cho giáo dục; Chương 4. Hiệu quả giáo dục; Chương 5. Toàn cầu hoá giáo dục

- *Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được:* sau khi kết thúc học phần học viên có khả năng vận dụng được những kiến thức về kinh tế học giáo dục vào tư vấn và đầu tư phát triển giáo dục cơ sở mình phụ trách và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Người học có khả năng làm việc hợp tác nhóm, tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu một cách tổng quan về khoa học kinh tế và kinh tế học giáo dục để dễ dàng tiếp cận các vấn đề của kinh tế học giáo dục.

- CO2: Vận dụng được kiến thức của môn học vào giải quyết các tình huống cụ thể về kinh tế giáo dục

- CO3: Vận dụng những vấn đề lý luận kinh tế học giáo dục để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế trong đơn vị giáo dục.

- CO4: Có ý thức và thái độ tích cực trong việc đầu tư, phát triển giáo dục cơ sở mình phụ trách.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CO1: Hiểu một cách tổng quan về khoa học kinh tế và kinh tế học giáo dục để dễ dàng tiếp cận các vấn đề của kinh tế học giáo dục.

- CO2: Hiểu được mối quan hệ giữa giáo dục và các yếu tố như năng lực tối thiểu, năng suất lao động, sự thay đổi công nghệ, tăng trưởng kinh tế, và các kết quả phi thị trường.

- CO3: Hiểu đầu tư vốn con người như một dự án và tính toán được lợi suất đi học. Biết được nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục, hoạt động xã hội hoá giáo dục; Tính toán được hiệu quả giáo dục; Toàn cầu hóa và vốn con người, ý nghĩa đối với hệ thống giáo dục.

- CO4: Vận dụng kiến thức của môn học vào giải quyết các tình huống cụ thể về kinh tế giáo dục như đầu tư dự án giáo dục, tính toán lợi suất đi học, tính toán hiệu quả giáo dục...

- CO5: Vận dụng những vấn đề lý luận kinh tế học giáo dục để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế trong đơn vị giáo dục.

- CO6: Ý thức và thái độ tích cực trong việc đầu tư, phát triển kinh tế trong cơ sở giáo dục mình phụ trách.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Tổng quan về kinh tế giáo dục (số tiết 4LT, 0TH, 8TL-BT)

1. Lý luận về kinh tế học và kinh tế học giáo dục
2. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học giáo dục
3. Những sai lầm trong kinh tế học giáo dục
4. Bài học vận dụng

Chương 2. Lợi ích của giáo dục (số tiết 5LT, 5TH, 3TL-BT)

1. Giáo dục và lợi ích của giáo dục
 - 1.1 Giáo dục và năng lực tối thiểu
 - 1.2 Giáo dục và năng suất lao động
 - 1.3 Giáo dục và thay đổi công nghệ
 - 1.4 Giáo dục và tăng trưởng kinh tế
 - 1.5 Giáo dục và các kết quả phi thị trường
2. Lợi suất đi học

2.1 Xác định NPV trong giáo dục

2.2 Xác định IRR trong giáo dục

Chương 3. Đầu tư cho giáo dục (số tiết 5LT, 5TH, 5TL-BT)

1. Tầm quan trọng của đầu tư cho giáo dục
2. Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục
3. Xã hội hoá giáo dục
4. Vận dụng huy động nguồn lực xã hội hoá giáo dục tại cơ sở

Chương 4. Hiệu quả giáo dục (số tiết 5LT, 5TH, 3TL-BT)

1. Các vấn đề cơ bản về hiệu quả giáo dục
2. Phương pháp tính hiệu quả giáo dục
3. Bài tập vận dụng

Chương 5. Toàn cầu hoá giáo dục (số tiết 5LT, 5TH, 3TL-BT)

1. Toàn cầu hóa và vốn con người
2. Ý nghĩa đối với hệ thống giáo dục
3. Bài học vận dụng

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x					
Vấn đáp	x					x
Tự học	x	x			x	x
Thảo luận	x	x			x	x
Thực hành			x	x	x	x
Hướng dẫn						
Hoạt động nhóm	x	x				
Nghiên cứu tình huống						
Chuyên đề						
Đồ án/Dự án						
....						

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự	Rubric.2	CLO1,2,3,4,5	30%

	án,...			
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	
...				
Chuyên cần, tích cực				20%
...	Ý thức, thái độ, tính độc lập...	Rubric 1	CLO5	
Thi cuối kì 50%				50%

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Bùi Chí Bình (2014,) *Kinh tế học giáo dục cách tiếp cận và các vấn đề phức tạp*, NXB ĐH KHXH&NVTPHCM.

2. Phí Mạnh Hồng (2013), *Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

10.2. Học liệu tham khảo

3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2012) *Giáo trình Kinh tế chính trị*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc dân.

4. Nguyễn Cúc (2011), *Tập bài giảng Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Chính trị- Hành chính.

5. Đỗ Quang Vinh, Vũ Thanh Sơn (2011) *Kinh tế học chính trị Mác-Lê Nin*, NXB thông Tin và truyền thông.

M9: CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC/policies and plans for educational development

- Số tín chỉ: 03 (30 Lý thuyết, 20 Thảo luận - BT; 10TH)
- Mã học phần: 1QG208
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Nội dung học phần: Học phần gồm 5 chương, Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về chính sách và kế hoạch phát triển GD; Chương 2: Quá trình chính sách; Chương 3. Phân tích chính sách; Chương 4. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục; Chương 5. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục.

Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được: sau khi kết thúc học phần học viên có khả năng lựa chọn vấn đề để xây dựng được chính sách, triển khai chính sách cũng như đánh giá được tác động của chính sách; Vận dụng các chỉ số tiếp cận, chất lượng, hiệu quả giáo dục và kỹ thuật định lượng trong phân tích xu hướng phát triển giáo dục. Có khả năng xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương/trường học cho một giai đoạn 5 hoặc 10 năm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được hệ thống tri thức cơ bản và chuyên sâu về chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục. Xác định được mối quan hệ của chính sách với kế hoạch phát triển giáo dục.

- CO3: Phân tích được các chỉ số cơ bản trong xây dựng chính sách phát triển giáo dục

-CO4: Vận dụng chu trình lựa chọn vấn đề để xây dựng được chính sách, triển khai chính sách.

- CO5: Vận dụng quy trình xây dựng kế hoạch để phát triển giáo dục.

- CO6: Học viên tích cực trong việc lĩnh hội, tiếp thu các tri thức về phát triển kỹ năng để áp dụng trong xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục tại cơ sở giáo dục đang công tác

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được hệ thống tri thức cơ bản và chuyên sâu về chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục như: các cách tiếp cận về chính sách, về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục.

- CLO2: Xác định được mối quan hệ của chính sách với kế hoạch phát triển giáo dục, quá trình chính sách, phân tích chính sách và vai trò của xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

- CLO3: Phân tích được các chỉ số cơ bản (tiếp cận, chất lượng, hiệu quả giáo dục), kỹ thuật phân tích SWOT trong xây dựng chiến lược và quy trình xây dựng chiến lược phát triển giáo dục

- CLO4: Vận dụng chu trình lựa chọn vấn đề để xây dựng được chính sách, triển khai chính sách cũng như đánh giá được tác động của chính sách.

-CLO5: Vận dụng các chỉ số cơ bản (tiếp cận, chất lượng, hiệu quả giáo dục) và kỹ thuật định lượng trong phân tích xu hướng phát triển giáo dục.

- CLO6: Vận dụng quy trình xây dựng chiến lược để xây dựng chiến lược phát triển giáo dục ở địa phương/trường học cho một giai đoạn 5 hoặc 10 năm.

- CLO7: Học viên tích cực trong việc lĩnh hội, tiếp thu các tri thức về chính sách, về xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục. Thấy được vai trò, tầm quan trọng của chính sách và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục. Có ý thức tìm hiểu về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về chính sách và kế hoạch phát triển GD

(số tiết 5LT, 0TH, 8TL-BT)

1.1. Chính sách và phân loại chính sách

1.1.1. Khái niệm chính sách

1.1.2. Phân loại thuật ngữ chính sách

1.1.3. Sự khác nhau giữa chính sách với quyết định và quản lý

1.2. Kế hoạch phát triển giáo dục

1.2.1. Các thứ bậc, đặc trưng của kế hoạch

1.2.2. Chiến lược

1.2.3. Chiến lược giáo dục

1.2.4. Quá trình quản trị chiến lược giáo dục

1.3. Mối quan hệ giữa chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục

1.3.1. Quan hệ giữa chính sách và kế hoạch ở tầm vĩ mô

1.3.2. Quan hệ giữa chính sách và kế hoạch ở tầm vi mô

Chương 2: Quá trình chính sách

(số tiết 5LT, 0TH, 8TL -BT)

2.1. Sự xuất hiện vấn đề và xác định vấn đề

2.1.1. Sự xuất hiện vấn đề

2.1.2. Tìm hiểu vấn đề

2.1.3. Quy trình lựa chọn vấn đề

2.2. Xây dựng chính sách và thông qua chính sách

2.2.1. Xác định mục tiêu chính sách

2.2.2. Sắp xếp mục tiêu ưu tiên

- 2.2.3. Ba nhóm kỹ thuật dự báo
- 2.2.4. Đề xuất và lựa chọn phương án
- 2.3. Xây dựng kế hoạch cho việc triển khai chính sách**
 - 2.3.1. Kế hoạch huy động nguồn lực
 - 2.3.2. Huy động sự ủng hộ chính trị
- 2.4. Triển khai chính sách**
 - 2.4.1. Tầm quan trọng của triển khai chính sách
 - 2.4.2. Triển khai chính sách
- 2.5. Đánh giá tác động của chính sách**
 - 2.5.1. Tác động tích cực
 - 2.5.2. Tác động tiêu cực
- 2.6. Kết thúc hoặc điều chỉnh chính sách**
 - 2.6.1. Kết thúc chính sách
 - 2.6.2. Điều chỉnh chính sách
- 2.7. Lực lượng tham gia vào quá trình chính sách**
 - 2.7.1. Nhóm người làm chính sách
 - 2.7.2. Nhóm người thực thi chính sách
 - 2.7.3. Nhóm người hưởng lợi chính sách

Chương 3. Phân tích chính sách (số tiết 5LT, 0TH, 4TL-BT)

- 3.1. Cách tiếp cận phân tích chính sách**
 - 3.1.1. Nghiên cứu nội dung chính sách
 - 3.1.2. Nghiên cứu quá trình chính sách
 - 3.1.3. Nghiên cứu đầu ra của chính sách
 - 3.1.4. Nghiên cứu đánh giá chính sách
 - 3.1.5. Thông tin cho xây dựng chính sách
 - 3.1.6. Nghiên cứu cải tiến quá trình chính sách
- 3.2. Quá trình nghiên cứu chính sách**
 - 3.2.1. Chuẩn bị cho một nghiên cứu chính sách
 - 3.2.2. Hình thành quan điểm về một nghiên cứu chính sách
 - 3.2.3. Lựa chọn các nhà nghiên cứu
 - 3.2.4. Phân tích kỹ thuật
 - 3.2.5. Truyền đạt kết quả nghiên cứu chính sách cho các nhà quyết định

Chương 4. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục (số tiết 7LT, 5TH, 0TL - BT)

- 4.1. Qui trình xây dựng kế hoạch**
- 4.2. Thực hành xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục**

Chương 5. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục (số tiết 5LT, 8TH, 0TL-BT)

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần						
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết trình	x						
Vấn đáp	x						x
Tự học	x	x			x	x	x
Thảo luận	x	x				x	x
Thực hành			x	x	x	x	x
Hướng dẫn							
Hoạt động nhóm	x	x					
Nghiên cứu tình huống							
Chuyên đề							
Đồ án/Dự án							
....							

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric.2	CLO1,2,3,4,5, 6,7	30%
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	
...			CLO4,5,5,6,7	
Chuyên cần, tích cực				
...	Ý thức, thái độ, tính độc lập...	Rubric 1	CLO7	20%
Thi cuối kì 50%				50%

...	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric 3	CLO1,2,3,4,5,6,7	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Lê Chi Mai (2000), Chính sách và quá trình chính sách, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. Nguyễn Lộc (2010) *Cơ sở lý luận xây dựng chiến lược trong giáo dục*. Nxb GD, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

3. Trần Khánh Đức (2010) *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Phạm Thành Dung, Hoàng Phúc Lâm (2011) *Những vấn đề quan hệ Quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà Nước Việt Nam*, NXB Chính Trị - Hành chính.
5. Đặng Tự Ân, *Mô hình trường học mới Việt Nam nhìn từ góc độ thực tiễn và lý luận*, NXB Giáo dục Việt Nam

M9: ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THỰC TẾ GIÁO DỤC /

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: **1GD210**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần: Học phần gồm 6 chương: Chương 1: Hướng dẫn tìm hiểu thực tế; Chương 2: Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục; Chương 3: Tìm hiểu nội dung quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở cơ sở giáo dục; Chương 4: Tìm hiểu nội dung quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và giáo dục. Chương 5: Tìm hiểu xây dựng văn hóa ở các cơ sở giáo dục; Chương 6: tìm hiểu phát triển nguồn lực trong các cơ sở giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên được hiểu về quản lý và quản trị các hoạt động: dạy học và giáo dục; phát triển nguồn nhân lực; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng văn hoá; cách xử lý các tình huống quản lý trong giáo dục...

- CO2: Học viên có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hoạt động quản lý ở các cơ sở giáo dục.

- CO3: Học viên tích cực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tham gia học hỏi, nghiên cứu thực tế, có ý thức thức rèn luyện năng lực quản lý, tác phong, uy tín của người quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Có kiến thức về quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

- CLO2: Có kiến thức về dựng văn hóa trong cơ sở giáo dục.

- CLO3: Có kiến thức về phát triển nguồn nhân lực; quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xử lý các tình huống quản lý trong giáo dục...

3.2. Kỹ năng

- CLO4: Có khả năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hoạt động quản lý ở các cơ sở giáo dục.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Có tinh thần trách nhiệm, tích cực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tham gia học tập, nghiên cứu thực tế, có ý thức thức rèn luyện năng lực quản lý, tác phong, uy tín của người quản lý.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Hướng dẫn tìm hiểu thực tế

6 tiết (6 LT, 0TL -BT, 0 TH)

1. Lựa chọn cơ sở thực tế: các trường mầm non; tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên. Về các trường dạy nghề; các đơn vị quản lý giáo dục.

2. Hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu, cách thức ghi chép, thu thập thông tin, nhận xét đánh giá... thực tiễn giáo dục

3. Hướng dẫn cách viết báo cáo tổng kết

Chương 2: Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục

10 tiết (0LT, 5TL -BT, 5 TH)

1. Tìm hiểu về sự hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, hoạt động của phòng chức năng của cơ sở giáo dục

Chương 3: Tìm hiểu nội dung quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở cơ sở giáo dục

20 tiết (0LT, 5TL -BT, 15 TH)

1. Nội dung tìm hiểu quản lý hoạt động dạy học và giáo dục

- Nội dung quản lý việc thực hiện mục tiêu dạy học và giáo dục
- Nội dung quản lý việc thực hiện nội dung, chương trình dạy học và giáo dục
- Nội dung quản lý việc thực hiện các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học và giáo dục
- Nội dung quản lý về môi trường dạy học và giáo dục
- Nội dung quản lý về kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học và giáo dục
- Nội dung quản lý hoạt động dạy và giáo dục của giáo viên
- Nội dung quản lý hoạt động học và hoạt động giáo dục của học sinh
- Nội dung quản lý hoạt động của các tổ chuyên môn
- Nội dung quản lý hoạt động hành chính giáo vụ

Chương 4: Tìm hiểu nội dung quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và giáo dục

15 tiết (0LT, 5TL -BT, 10 TH)

1. Nội dung tìm hiểu quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và giáo dục

- Tìm hiểu khái quát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và giáo dục của cơ sở giáo dục
- Tìm hiểu khái quát về không gian, bài trí, bố cục, các thức tổ chức thư viện của cơ sở giáo dục.
- Tìm hiểu kế hoạch, phương pháp quản lý cơ sở vật chất thiết bị gia dụng và thư viện của cơ sở giáo dục.

Chương 5: Tìm hiểu xây dựng văn hóa trong cơ sở giáo dục (15 tiết)

1. Nội dung tìm hiểu xây dựng văn hóa trong cơ sở giáo dục

15 tiết (0LT, 5TL -BT, 10 TH)

- Tìm hiểu tầm nhìn, sứ mạng, triết lý của cơ sở giáo dục
- Tìm hiểu xây dựng triết lý, truyền thống nhà trường
- Tìm hiểu văn hóa ứng xử, giao tiếp trong cơ sở giáo dục
- Tìm hiểu những văn hoá hữu hình trong cơ sở giáo dục

Chương 6: Tìm hiểu phát triển nguồn lực trong cơ sở giáo dục

1. Nội dung tìm hiểu phát triển nguồn lực trong cơ sở giáo dục

15 tiết (0LT, 5TL -BT, 10 TH)

- Tìm hiểu khái quát các hoạt động như: quy hoạch, phân công, bồi dưỡng... Nhân sự trong cơ sở giáo dục;

- Tìm hiểu kinh nghiệm huy động và phát triển các nguồn lực trong và ngoài cơ sở để thực hiện mục tiêu giáo dục

* **Viết báo cáo tổng kết**

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x		
Vấn đáp	x	x	x		
Tự học	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x		
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x
Chuyên đề					
Đồ án/Dự án					

1. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập	CLO1- CLO6	

		nhóm		
Chuyên cần, tích cực				20%
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6	
Thi cuối kì 50%				50%
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm -Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

- Các văn bản quản lý giáo dục, quản lý nhà nước về giáo dục

10.2. Tài liệu tham khảo

- Các tài liệu tại cơ sở HV tham gia thực tế giáo dục

M10: TIẾP CẬN TÌNH HUỐNG TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC/Situational approach in educational management

- Số tín chỉ: 03 (30 Lý thuyết, 20 Thảo luận - BT; 10 TH)
- Mã học phần: **1GD212**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm Chương 1: Những vấn đề chung về tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục; Chương 2: Phương pháp ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục; **Chương 3: Thực hành xây dựng và ứng xử các tình huống trong quản lý giáo dục**

Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần học viên có khả năng vận dụng các phương pháp ứng xử tình huống, các bí quyết thành công, quy trình giải quyết tình huống vào việc xử lý các tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục đạt hiệu quả.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu về tình huống và tính chất, đặc điểm, các loại tình huống trong quản lý giáo dục; có kiến thức về phương pháp xử lý tình huống và qui trình xử lý tình huống trong quản lý giáo dục.
- CO2: Nhận diện các tình huống; phân tích và sử dụng các phương pháp xử lý tình huống trong quản lý giáo dục.
- CO3: Có trách nhiệm, chủ động và thận trọng, nghiêm túc trong xử lý các tình huống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Nhận thức rõ về tình huống và tính chất, đặc điểm, các loại tình huống trong quản lý giáo dục.
- CLO2: Phân tích được các phương pháp xử lý tình huống và qui trình xử lý tình huống trong quản lý giáo dục.

3.2. Kỹ năng

- CLO3: Hình thành kỹ năng nhận diện và phân tích các tình huống trong quản lý giáo dục.
- CLO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương pháp xử lý tình huống và qui trình xử lý tình huống vào việc xử lý các tình huống trong quản lý giáo dục đạt hiệu quả.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng nhằm giải quyết hiệu quả các tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục.

- CLO6: Nghiêm túc, thận trọng và có trách nhiệm trong xử lý các tình huống; chủ động, tích cực vận dụng các tri thức về tiếp cận tình huống vào thực tiễn quản lý giáo dục.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục (15 LT, 7 TL, 0 TH)

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 1.2. Đặc điểm của tình huống trong quản lý giáo dục
- 1.3. Phân loại các tình huống trong quản lý giáo dục

Chương 2: Phương pháp ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục (15 LT, 7 TL, 0 TH)

- 2.1. Khái niệm phương pháp ứng xử tình huống
- 2.2. Một số bí quyết thành công trong ứng xử tình huống
- 2.3. Quy trình tiến hành ứng xử tình huống

Chương 3: Thực hành xây dựng và ứng xử các tình huống trong quản lý giáo dục (0 LT, 6 TL, 10 TH)

- 3.1. Xây dựng tình huống trong quản lý giáo dục
- 3.2. Giải quyết các tình huống trong quản lý giáo dục

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x				
Vấn đáp	x	x				
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x		
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x		
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Chuyên đề						
Đề án/Dự án	x	x	x	x	x	x
....						

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5,6	20%
Thi cuối kì				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm -Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Lưu Xuân Mới (2008), *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

2. Đỗ Thế Hưng (2007), *Tình huống dạy học môn giáo dục học*, NXB ĐHSP Hà Nội.

3. Dale Carnegie (2005) Nguyễn Hiến Lê (d), *Đắc nhân tâm*, NXB Sài Gòn.

4. Phạm Việt Vượng (2007), *Bài tập giáo dục học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

M11: TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI VÀ QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG GIÁO

DỤC/ Modern approaches and change management in education

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)

- Mã học phần: 1GD201

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- **Nội dung học phần:** Học phần này bao gồm Chương 1. Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; Chương 2. Quản lý sự thay đổi trong giáo dục

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên phân tích, đánh giá được các cách tiếp cận hiện đại mang tầm thế giới quan và phương pháp luận trong quản lý giáo dục, như: tiếp cận hệ thống, tiếp cận theo mục tiêu, tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo vai trò, tiếp cận theo năng lực; phân tích được tính cần thiết của sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong giáo dục; làm rõ các nguyên tắc và quy trình quản lý sự thay đổi trong giáo dục, những kỹ năng quản lý sự thay đổi cần có của nhà quản lý giáo dục.

- CO2: Học viên có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục cũng như trong nghiên cứu lý luận về quản lý giáo dục; nâng cao năng lực chọn lựa công việc và cách làm để lãnh đạo và quản lý sự thay đổi ở đơn vị mình phụ trách; biết vận dụng kết hợp một cách linh hoạt các tiếp cận trong những tình huống quản lý cụ thể nhằm đạt hiệu quả quản lý tốt nhất.

- CO3: Học viên hào hứng trong học tập, trong việc vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý giáo dục; có niềm tin, thái độ chủ động, tích cực và quyết tâm lãnh đạo, quản lý sự thay đổi để phát triển đơn vị/nhà trường phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Hiểu và nắm vững các cách tiếp cận hiện đại mang tầm thế giới quan và phương pháp luận trong quản lý giáo dục, như: tiếp cận hệ thống, tiếp cận theo mục tiêu, tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo vai trò, tiếp cận theo năng lực;

- CLO2: Nhận thức rõ tính cần thiết của sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong giáo dục; nắm vững các nguyên tắc và quy trình quản lý sự thay đổi trong giáo dục, những kỹ năng quản lý sự thay đổi cần có của nhà quản lý giáo dục.

3.2. Kỹ năng

- CLO3: Kỹ năng sử dụng các cách tiếp cận hiện đại trong nghiên cứu lý luận về quản lý giáo dục, trong phân tích, đánh giá thực tiễn quản lý giáo dục và ứng dụng vào các tình huống quản lý cụ thể nhằm đạt hiệu quả quản lý tốt nhất;

- CLO4: Kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục; kỹ năng chọn lựa công việc và cách làm để lãnh đạo và quản lý sự thay đổi ở cơ sở giáo dục.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Nghiên cứu đưa ra những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị, quản lý giáo dục;

- CLO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong quản trị cơ sở giáo dục, tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục (30 tiết: 15 LT; 10 BT, TL; 5 TH)

1.1. Tiếp cận hệ thống trong quản lý giáo dục (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)

1.1.1. Những vấn đề chung về hệ thống

1.1.2. Tiếp cận hệ thống

1.1.3. Vận dụng lý thuyết hệ thống trong quản lý giáo dục

1.2. Tiếp cận theo mục tiêu trong quản lý giáo dục (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)

1.2.1. Mục tiêu quản lý

1.2.2. Nội dung cơ bản của tiếp cận quản lý theo mục tiêu

1.2.3. Vận dụng tiếp cận quản lý theo mục tiêu trong giáo dục và quản lý giáo dục

1.3. Tiếp cận theo quá trình trong quản lý giáo dục (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)

1.3.1. Một số khái niệm

1.3.2. Phương pháp tiếp cận theo quá trình trong quản lý

1.3.3. Quá trình quản lý giáo dục ở cấp độ nhà trường

1.4. Tiếp cận theo vai trò trong quản lý giáo dục (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)

- 1.4.1. Định nghĩa “vai trò”
- 1.4.2. Các vai trò của hiệu trưởng nhà trường
- 1.4.3. Nội dung quản lý của hiệu trưởng theo vai trò
- 1.5. Tiếp cận theo năng lực trong quản lý giáo dục (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)
 - 1.5.1. Định nghĩa “năng lực”
 - 1.5.2. Mô hình năng lực thực hiện
 - 1.5.3. Kỹ năng quản lý - nội dung cốt lõi của năng lực
 - 1.5.4. Các loại kỹ năng quản lý cụ thể của hiệu trưởng nhà trường

Chương 2. Quản lý sự thay đổi trong giáo dục (30 tiết: 15 LT; 10 BT, TL; 5 TH)

- 2.1. Một số vấn đề về sự thay đổi và quản lý sự thay đổi trong giáo dục (8 tiết: 4 LT; 3 BT, TL; 1 TH)
 - 2.1.1. Vì sao có sự thay đổi trong giáo dục?
 - 2.1.2. Sự cần thiết phải thay đổi trong giáo dục
 - 2.1.3. Nhận biết sự thay đổi trong giáo dục
 - 2.1.4. Nguyên tắc quản lý sự thay đổi trong giáo dục
 - 2.1.5. Kỹ năng quản lý sự thay đổi trong giáo dục
- 2.2. Hoạch định sự thay đổi trong giáo dục (8 tiết: 4 LT; 3 BT, TL; 2 TH)
 - 2.2.1. Dự báo sự thay đổi
 - 2.2.2. Xác định nhu cầu thay đổi
 - 2.2.3. Xác định các mục tiêu thay đổi
 - 2.2.4. Xây dựng kế hoạch thay đổi
- 2.3. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện sự thay đổi trong giáo dục (8 tiết: 4 LT; 2 BT, TL; 1 TH)
 - 2.3.1. Xây dựng các bước thực hiện
 - 2.3.2. Lựa chọn, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp để thực hiện sự thay đổi
 - 2.3.3. Phân công trách nhiệm trong thực hiện sự thay đổi
- 2.4. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và củng cố sự thay đổi (6 tiết: 3 LT; 2 BT, TL; 1 TH)
 - 2.4.1. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thay đổi
 - 2.4.2. Củng cố sự thay đổi

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x				
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x

Thảo luận	X	X	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X	X
Hướng dẫn	X	X	X	X	X	X
Nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X	X
Tham quan			X	X		
Chuyên đề	X	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. R. Heller (2006), *Quản lý sự thay đổi*. Nxb Tổng hợp TP. HCM.
2. Trần Kiểm (2016), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
2. J. Kotter (2006), *Dẫn dắt sự thay đổi*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.

M12: QUẢN LÝ XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG/Management of building School Culture

- Số tín chỉ: 03 (30 tiết lý thuyết; 20 tiết thảo luận, bài tập; 10 tiết thực hành)
- Mã học phần: IGD202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm: Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường; Chương 2. Vận dụng xây dựng văn hoá trong nhà trường; Chương 3. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý xây dựng văn hóa trường học hiện nay; Chương 4. Cán bộ quản lý nhà trường với việc đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên phân tích được những vấn đề về văn hoá nhà trường, những giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo để phát triển văn hoá nhà trường, tầm quan trọng

của việc xây dựng văn hoá nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, quản lý trong việc xây dựng văn hoá nhà trường

- CO2: Học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá phát triển văn hoá nhà trường ở các nhà trường, ứng dụng lý thuyết về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường vận dụng vào các nhà trường mình phụ trách.

- CO3: Chủ động, tích cực, quan tâm đúng mức đến xây dựng văn hóa nhà trường.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc xây dựng văn hoá nhà trường, vai trò của người lãnh đạo và người quản lý trong việc xây dựng văn hoá nhà trường;

- CLO2: Nắm vững những giá trị cốt lõi để xây dựng và phát triển văn hoá nhà trường; Nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường.

- CLO3: Nhận thức rõ về vị trí, vai trò của xây dựng văn hoá nhà trường, quản lý xây dựng văn hoá nhà; nắm rõ cách thức phát triển văn hóa nhà trường.

3.2. Kỹ năng

- CLO4: Vận dụng kiến thức lý luận hiện đại vào xây dựng văn hóa nhà trường;

- CLO5: Kỹ năng đánh giá thực trạng về việc xây dựng văn hóa Nhà trường; Xây dựng các giải pháp phát triển văn hóa nhà trường; Xây dựng môi trường ứng xử có văn hoá trong nhà trường;

- CLO6: Người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết tốt các tình huống.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO7: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong quản lý xây dựng văn hóa Nhà trường.

- CLO8: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong quản lý xây dựng văn hóa nhà trường. Chủ động, tích cực, quan tâm đến xây dựng văn hóa nhà trường ở các cơ sở giáo dục.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường

(10 tiết: 6 LT; 4 BT,TL; 0 TH)

1.1. Khái niệm chung

1.1.1. Văn hóa

1.1.2. Văn hoá tổ chức

1.1.3. Văn hoá nhà trường

- 1.1.4. Quản lý văn hóa nhà trường
- 1.2. Các yếu tố cấu thành văn hóa nhà trường
- 1.3. Tầm quan trọng của việc quản lý văn hoá nhà trường
 - 1.3.1. Đối với trẻ em
 - 1.3.2. Đối với giáo viên
 - 1.3.3. Đối với lãnh đạo nhà trường
- 1.4. Vai trò của cán bộ quản lý trong việc phát triển văn hoá trường
 - 1.4.1. Ảnh hưởng của hiệu trưởng đến văn hoá nhà trường
 - 1.4.2. Hiệu trưởng nuôi dưỡng văn hoá trường học bằng cách nào

Chương 2. Vận dụng xây dựng văn hoá trong nhà trường

(12 tiết: 8 LT; 4 BT, TL; 0TH)

- 2.1. Định hình những giá trị cốt lõi để xây dựng và phát triển văn hoá nhà trường
 - 2.1.1. Giá trị cốt lõi
 - 2.1.2. Định hình hệ thống các giá trị cốt lõi
- 2.2. Vận dụng xây dựng văn hoá trong nhà trường
 - 2.2.1. Cách thức xây dựng các mối quan hệ ứng xử có văn hoá trong nhà trường
 - 2.2.2. Cách thức phát triển văn hoá nhà trường
- 2.3. Xây dựng các mối quan hệ ứng xử có văn hoá trong nhà trường
- 2.4. Xây dựng môi trường ứng xử có văn hoá trong nhà trường

Chương 3. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý xây dựng văn hoá trường học hiện nay

(12 tiết: 8 LT; 4 BT, TL; 0TH)

- 3.1. Văn hóa nhà trường và xây dựng thương hiệu của nhà trường
 - 3.1.1. Khái niệm thương hiệu
 - 3.1.2. Thương hiệu trong giáo dục
 - 3.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu của nhà trường
- 3.2. Những kinh nghiệm xây dựng và phát triển văn hoá nhà trường ở các nước trên thế giới và Việt Nam

- 2.1. Kinh nghiệm các nước trên thế giới
- 2.2. Kinh nghiệm của Việt Nam
- 2.3. Một số vấn đề đặt ra trong xây dựng văn hóa nhà trường

- 3.3. Giải pháp xây dựng văn hoá nhà trường trong giai đoạn hiện nay

Chương 4. Cán bộ quản lý nhà trường với việc đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học

(12 tiết: 8 LT; 4 BT, TL; 0TH)

- 4.1. Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa
- 4.2. Xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học
 - 4.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ quy tắc ứng xử

- 4.2.2. Yêu cầu đối với bộ quy tắc ứng xử
- 4.2.3. Xây dựng khung bộ quy tắc ứng xử
- 4.3. Xây dựng và phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng
 - 4.3.1. Lợi ích của xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với GD và cộng đồng
 - 4.3.2. Trách nhiệm của nhà trường, gia đình và cộng đồng
 - 4.3.3. Mối quan hệ nhà trường- cộng đồng

Chương 5. Bài tập tình huống rèn kỹ năng xây dựng văn hóa nhà trường

(14 tiết: 0 LT; 4BT, TL; 10TH)

5.1. Xây dựng giá trị cốt lõi ở nhà trường

5.2. Xây dựng tình huống ứng xử văn minh và bài học cần thiết đối với người cán bộ quản lý

5.3. Xây dựng tình huống thiếu văn hóa và đưa ra cách giải quyết

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO.8
Thuyết trình	x	x	x					
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x		
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-CLO8	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập	CLO1-CLO8	

		nhóm		
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm -Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO8	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.
- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Lê Thị Ngọc Thuý (2018), *Xây dựng văn hoá nhà trường phổ thông*, NXB ĐHQG.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2020), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

2. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), *Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

M13: THANH TRA, KIỂM TRA TRONG GIÁO DỤC/ *INSPECTION, TESTING IN EDUCATION*

- Số tín chỉ: 04 (40 tiết lý thuyết; 25 tiết thảo luận, 15 thực hành)

- Mã học phần: **1GD214**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm chương I: Công tác thanh tra trong cơ quan giáo dục; Chương 2: Kiểm tra trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học viên nắm vững các vấn đề lý luận về hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục

CO2 : Học viên có kỹ năng hoạt động thanh tra, kiểm tra giáo dục

CO3: Từ những kiến thức và kỹ năng của học phần, học viên hình thành và rèn luyện những phẩm chất, năng lực, thái độ nghiêm túc trong hoạt động thanh tra, kiểm tra giáo dục

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

CLO1: Có kiến thức lý luận và thực tiễn sâu rộng về hoạt động thanh tra, kiểm tra trong giáo dục,

CLO2: Nắm vững các qui trình của thanh tra, kiểm tra trong giáo dục.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Kỹ năng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm tra tại các cơ sở giáo dục

CLO4: Thực hiện qui trình kiểm định chất lượng giáo dục; hình thành kỹ năng tự đánh giá, phối hợp với đánh giá ngoài và lập kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thanh tra, kiểm tra trong giáo dục

CLO6: Có ý thức và trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra; công tác quản lý và công tác lưu giữ hồ sơ, minh chứng để phục vụ công tác thanh tra trong giáo dục.

4. Nội dung chi tiết môn học

Chương I: Công tác thanh tra trong cơ quan giáo dục

30 (15LT, 10TL - BT, 6 TH)

- 1.1. Những vấn đề chung về thanh tra trong cơ quan giáo dục
 - 1.1.1. Khái niệm về thanh tra và thanh tra giáo dục
 - 1.1.2. Vị trí, vai trò, chức năng của thanh tra giáo dục
 - 1.1.3. Mục đích và nhiệm vụ của thanh tra giáo dục
 - 1.1.4. Đối tượng và nội dung của thanh tra giáo dục
 - 1.1.5. Nguyên tắc hoạt động thanh tra giáo dục
 - 1.1.6. Tổ chức thanh tra giáo dục
- 1.2. Hoạt động thanh tra giáo dục
 - 1.2.1. Thanh tra hành chính trong lĩnh vực giáo dục
 - 1.2.2. Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục
- 1.3. Nghiệp vụ thanh tra giáo dục
 - 1.3.1. Phương pháp, hình thức, công cụ và phương tiện thanh tra giáo dục
 - 1.3.2. Tiến trình tổ chức hoạt động thanh tra giáo dục tại các cơ sở giáo dục
 - 1.3.3. Thanh tra toàn diện cơ sở giáo dục
 - 1.3.4. Thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo

Chương 2: Kiểm tra trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường

30 tiết (15LT, 10TL - BT, 4 TH)

- 2.1. Các tiếp cận đối với vấn đề kiểm tra trong hoạt động quản lý
- 2.2. Hoạt động kiểm tra trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường
- 2.3. Hiệu trưởng với hoạt động kiểm tra
- 2.4. Một số kinh nghiệm hoạt động kiểm tra.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x

Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

2. Nguyễn Xuân Thanh (2019), *Kiểm tra và thanh tra giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Ngọc Long (2021), *Quản lý chất lượng giáo dục*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

M14: QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ TRONG NHÀ TRƯỜNG/ *Facilities and equipment Management in school*

- Số tín chỉ: 04 (40 tiết lý thuyết; 25 tiết thảo luận, bài tập; 15 tiết thực hành)

- Mã học phần: 1GD203

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; vai trò, chức năng của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; nội dung và qui trình quản trị về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; yêu cầu đối với hiệu trưởng trong . quản trị về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học viên nắm vững các vấn đề lý luận về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường, nội dung và qui trình quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường.

CO2: Học viên có kỹ năng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ tại đơn vị công tác.

CO3: Từ những kiến thức và kỹ năng của học phần, học viên hình thành và rèn luyện những phẩm chất, năng lực quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ, có tinh thần trách nhiệm đối với cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ tại đơn vị công tác.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Kiến thức:

CLO1: Nắm vững lý thuyết về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường

CLO2: Hiểu và trình bày được nội dung, qui trình quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường

3.2. Kỹ năng:

CLO3: Hình thành kỹ năng đánh giá về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường

CLO4: Thực hiện qui trình quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

CLO5: Nhận thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận vai trò của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; Có ý thức giữ gìn và bảo vệ hệ thống CSVC, thiết bị và công nghệ giáo dục.

CLO6: Hỗ trợ, hợp tác với các cán bộ, giáo viên, học sinh trong việc bảo quản và sử dụng CSVS, thiết bị và công nghệ giáo dục.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

10 tiết (5 LT, 5TL -BT, 0 TH)

- 1.2. Khái niệm, phân loại cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ giáo dục
- 1.3. Vị trí, vai trò của cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ giáo dục
- 1.4. Cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ dạy học ở các nhà trường
- 1.5. Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục

Chương 2: QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRONG NHÀ TRƯỜNG

16 tiết (8LT, 8TL -BT, 0 TH)

- 2.1. Khái niệm cơ sở vật chất và quản trị cơ sở vật chất trong nhà trường
- 2.2. Vai trò, trách nhiệm của Hiệu trưởng trong quản trị cơ sở vật chất trong nhà trường
- 2.3. Các nội dung quản trị cơ sở vật chất trong nhà trường
- 2.4. Qui trình quản trị cơ sở vật chất trong nhà trường
- 2.5. Yêu cầu đối với Hiệu trưởng trong quản trị cơ sở vật chất

Chương 3: QUẢN TRỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG

24 tiết (12LT, 6TL -BT , 6 TH)

- 3.1. Khái niệm thiết bị dạy học và quản trị thiết bị dạy học trong nhà trường
- 3.2. Vai trò, trách nhiệm của Hiệu trưởng trong quản trị thiết bị dạy học
- 3.3. Các nội dung của quản trị thiết bị dạy học trong nhà trường
- 3.4. Quy trình quản trị thiết bị dạy học trong nhà trường
- 3.5. Yêu cầu đối với Hiệu trưởng trong quản trị thiết bị dạy học

Chương 4: QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG
30 tiết (15LT, 6 TL - BT, 9TH)

- 4.1. Khái niệm công nghệ giáo dục và quản trị công nghệ giáo dục
- 4.2. Vai trò, trách nhiệm của Hiệu trưởng trong quản trị công nghệ
- 4.3. Các nội dung của quản trị công nghệ giáo dục
- 4.4. Quy trình quản trị công nghệ giáo dục
- 4.5. Yêu cầu đối với Hiệu trưởng quản trị công nghệ giáo dục

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x
Tham quan				x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO6	30%

2	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO6	
Chuyên cần, tích cực				
1	Số buổi đi học Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong học tập	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	20%
Thi cuối kì 50%				
1	Thi tự luận hoặc vấn đáp, viết tiểu luận	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp, tiểu luận	CLO1-CLO6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Học viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình: Phải có đủ điểm thường xuyên theo qui định.

- Điểm thi kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. **Trần Quốc Đắc (chủ biên)**, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở trường phổ thông Việt Nam, Nxb ĐHQG Hà Nội, Viện khoa học giáo dục, 2002

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn, *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*, Nxb Giáo dục, 2008.

M15: Chuyên đề nghiên cứu 1: QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG (Management of educational activities in educational institutions)

- Số tín chỉ: **03**

- Mã học phần: **1GDC10**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: **Giáo dục học**

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề

Chuyên đề khái quát những điểm cốt lõi về quan điểm, phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục; các yêu cầu, nhiệm vụ của người đứng đầu trong quản lý hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở giáo dục lựa chọn. Khái quát nội dung cơ bản của kế hoạch giáo dục, dạy học phù hợp với thực tiễn và điều kiện cơ sở giáo dục (Bối cảnh, điều kiện, nội dung, quy trình, triển khai, giám sát, cải tiến... phù hợp); Các nội dung cần chỉ đạo hoạt động của tổ/ nhóm chuyên môn để triển khai hoạt động dạy học, giáo dục trong cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu (chỉ đạo xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục; thực hiện hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục; kiểm tra đánh giá kết quả và kế hoạch tự học, ...).

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

(Nêu kiến thức cốt lõi học viên cần đạt được khi hoàn thành chuyên đề nghiên cứu).

- Học viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quan điểm, phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục;

- Nắm chắc các yêu cầu, nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị về quản lý hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu theo luật giáo dục, điều lệ, chuẩn nghề nghiệp và các văn bản pháp quy hướng dẫn;

- Phân tích được các yêu cầu trong quản lý hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu;

- Xác định được những nội dung cơ bản của kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu;

- Xác định được những việc cần chỉ đạo hoạt động của tổ/ nhóm chuyên môn ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu

3. Năng lực cần đạt

- Xây dựng được kế hoạch giáo dục và dạy học, có khả năng triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục, dạy học ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu hiệu quả.

- Hướng dẫn được cho tổ/ nhóm chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học môn học/hoạt động giáo dục; triển khai các hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục đa dạng; kiểm tra đánh giá kết quả dạy học, hoạt động giáo dục phù hợp cấp, bậc học lựa chọn nghiên cứu

- Hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ, tạo động lực được cho tổ/ nhóm chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn bám sát yêu cầu thực hiện kế hoạch giáo dục và dạy học đã xây dựng.

4. Yêu cầu của chuyên đề

Sau khi nghiên cứu HV cần trình bày được những nội dung cơ bản trong báo cáo chuyên đề như sau:

* *Đặt vấn đề:* Trình bày được tính cấp thiết của chuyên đề nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

* *Giải quyết vấn đề:* Trong mục trình bày khái quát những lý luận đã được tổng kết, bao gồm những khái niệm, những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quan điểm, phương pháp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục; trình bày yêu cầu, nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị về quản lý hoạt động dạy học, giáo dục; Xây dựng được kế hoạch giáo dục và dạy học ở 1 cơ sở giáo dục....phù hợp.

Các ý chính trong phần này cần cần nhắc đặt tên sao cho phù hợp và diễn đạt được nội dung mới cơ bản mà tác giả nghiên cứu được.

* *Kết luận;* Những nhận định chung về kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng; Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình nghiên cứu của bản thân; Những ý kiến đề xuất để áp dụng.

Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Biểu mẫu số 2,3,4 của Quyết định này).

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

- Phương pháp dạy học là: Nghiên cứu theo định hướng của giáo viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu...

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Tài liệu dạy học

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Kiểm, (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, Nxb Đại học Sư phạm .
2. Lâm Quang Thiệp (2011), *Đo lường trong giáo dục lý thuyết và ứng dụng*, NXB ĐH Quốc Gia HN.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Đặng Tự Ân, *Mô hình trường học mới Việt Nam nhìn từ góc độ thực tiễn và lý luận*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Trần Kiểm (2015), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục* Nxb Đại học Sư phạm .
3. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học một số vấn đề về lý luận và thực tiễn* , NXB ĐH Quốc Gia HN.

M16: Chuyên đề nghiên cứu 2: XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 1GDC07

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Giáo dục học

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề

Chuyên đề bao gồm những vấn đề chung về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các nhà trường; vai trò của Hiệu trưởng và các thành viên trong việc xây dựng và thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; Các nguy cơ tiềm ẩn về tình trạng mất an toàn và bạo lực học đường trong trường tiểu học; Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử và an toàn học đường trong nhà trường/ Xây dựng kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng trường học an toàn và phòng chống bạo lực học đường.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Có kiến thức về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường gắn với thực tiễn nhà trường và địa phương.

- Xác định được các dấu hiệu mất an toàn trường học; bạo lực học đường, bắt nạt học đường; xâm hại tình dục, xao nhãng; các nguy cơ tiềm ẩn và hiện hữu về tình trạng mất an toàn, bạo lực học đường trong nhà trường.

- Xây dựng và lập kế hoạch thực hiện quy tắc ứng xử và an toàn học đường.

- Xây dựng được kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

3. Năng lực cần đạt

- Có kỹ năng nhận diện các nguy cơ mất an toàn trong nhà trường
- Kỹ năng phát hiện và ngăn chặn bạo lực học đường, xử lý hiệu quả tình trạng bạo lực học đường
- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các nguyên nhân gây mất an toàn, bạo lực học đường
- Kỹ năng quản lý nguy cơ mất an toàn, bạo lực học đường và chiến lược phòng ngừa trong nhà trường trường
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức kế hoạch Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất % số giờ lí thuyết, % số giờ thực hành, % số giờ tự nghiên cứu;
- Hoàn thành chuyên đề nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên; bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định đào tạo.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học / hướng dẫn

- Học viên tự nghiên cứu, theo định hướng của giáo viên
- Giảng viên có trách nhiệm gợi ý, hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; trong quá trình thực hiện chuyên đề, người học có vướng mắc, giảng viên có thể bố trí một buổi giải đáp, trao đổi; giảng viên hướng dẫn, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo, trình bày vấn đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Tài liệu dạy học

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Phạm Hồng Quang (chủ biên) (2006), *Môi trường giáo dục*, NXB GD 2012

7.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho HS THCS*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

M17: Chuyên đề nghiên cứu: QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC/ Management of scientific research activities in educational institutions

- Số tín chỉ: 03
- Mã chuyên đề: 1GDC03
- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Giáo dục học

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề

Chuyên đề khái quát những kiến thức cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; Học viên có khả năng quản trị, chủ trì các

hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục; Tham gia đánh giá, xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên kiến thức cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị hoạt động nghiên cứu khoa học; Hình thành cho học viên kỹ năng quản trị các hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục.

3. Năng lực cần đạt

- Học viên xác định được tầm quan trọng của quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục, xây dựng kế hoạch NCKH trong các cơ sở giáo dục;
- Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá các hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục;
- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Sau khi nghiên cứu, học viên trình bày được những nội dung cơ bản trong bản báo cáo chuyên đề như sau:

* *Đặt vấn đề:* Trình bày được tính cấp thiết của chuyên đề nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

* *Giải quyết vấn đề:* Trong mục trình bày khái quát những lý luận đã được tổng kết, bao gồm những khái niệm, những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quan điểm và các nội dung của quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục; Kế hoạch hóa hoạt động NCKH; Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá các hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục; xây dựng được các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục.

* *Kết luận:* Những nhận định chung về kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng; Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình nghiên cứu của bản thân; Những ý kiến đề xuất để áp dụng.

- Học viên viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Biểu mẫu số 2,3,4 của Quyết định này).

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

- Phương pháp dạy học: Học viên nghiên cứu theo định hướng của giảng viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc các tài liệu tham khảo liên quan. Vào giai đoạn cuối của thời gian nghiên cứu chuyên đề bố trí ít nhất 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên, hướng dẫn học viên cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Tài liệu dạy học

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Kiểm (2021), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học sư phạm.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2019), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm.

2. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), *Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

M18: Chuyên đề nghiên cứu 4:

QUẢN TRỊ NGUỒN LỰC TRONG GIÁO DỤC/ Administration and development of educational socialization)

- Số tín chỉ: 03

- Mã chuyên đề: 1GDC11

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Giáo dục học

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề:

Chuyên đề bao gồm những nội dung cơ bản như: Những vấn đề chung về nguồn lực và quản trị nguồn lực trong giáo dục; Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục; Quản trị cơ sở vật chất, tài chính trong giáo dục.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Nhận thức rõ về nguồn lực trong giáo dục; hiểu và nắm vững các bộ phận chính của nguồn lực giáo dục, các nguyên tắc huy động nguồn lực trong giáo dục; xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực trong giáo dục;

Nắm vững vai trò, đặc điểm của nguồn nhân lực giáo dục, các nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục;

Nhận thức rõ về vị trí, vai trò của cơ sở vật chất và các nguồn tài chính trong giáo dục; các nội dung cơ bản của quản trị cơ sở vật chất, tài chính trong giáo dục.

3. Năng lực cần đạt

Vận dụng kiến thức lý luận hiện đại về nguồn lực giáo dục để phân tích, đánh

giá việc thực hiện các nguyên tắc huy động nguồn lực trong giáo dục, xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực ở cơ sở giáo dục hiện nay;

Phân tích, đánh giá thực trạng và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, lập kế hoạch sử dụng và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá và khuyến khích nguồn nhân lực ở cơ sở giáo dục;

Phân tích, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, dự báo nhu cầu về cơ sở vật chất, tài chính ở cơ sở giáo dục; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm việc quản trị cơ sở vật chất, tài chính ở cơ sở giáo dục.

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Sau khi nghiên cứu, học viên trình bày được những nội dung cơ bản trong bản báo cáo chuyên đề như sau:

* *Đặt vấn đề*: Trình bày được tính cấp thiết của chuyên đề nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

* *Giải quyết vấn đề*: Trong mục trình bày khái quát những lý luận đã được tổng kết, bao gồm những khái niệm, những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quan điểm và các nội dung của quản trị nguồn lực trong giáo dục; phát triển nguồn lực để phục vụ hoạt động trong các cơ sở giáo dục.

* *Kết luận*: Những nhận định chung về kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng; Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình nghiên cứu của bản thân; Những ý kiến đề xuất để áp dụng.

- Học viên viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Biểu mẫu số 2,3,4 của Quyết định này).

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

- Phương pháp dạy học: Học viên nghiên cứu theo định hướng của giảng viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc các tài liệu tham khảo liên quan. Vào giai đoạn cuối của thời gian nghiên cứu chuyên đề bố trí ít nhất 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên, hướng dẫn học viên cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Tài liệu dạy học

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Kim Dung (2021), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tài Chính, TP. Hồ Chí Minh.

7.2. Học liệu tham khảo

1. Trần Anh Tài (2017), *Quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

M20: Chuyên đề nghiên cứu 5: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG (Applying Information technology in manegement)

- Số tín chỉ: 03
- Mã chuyên đề: 1GDC06
- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Giáo dục học

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề

Chuyên đề trang bị cho người học những vấn đề cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; hiểu đúng và đầy đủ các yêu cầu của ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường; các bước của lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường nhằm thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nhà trường.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên nghiên cứu, nắm vững yêu cầu, nguyên tắc, qui trình ứng dụng CNTT ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường và tổ chức thực hiện.

3. Năng lực cần đạt

Học viên đạt được các năng lực sau:

- Ứng dụng CNTT trong xây dựng kế hoạch nhà trường
- Ứng dụng CNTT trong quản trị nhân sự
- Ứng dụng CNTT trong quản trị hoạt động dạy học và giáo dục
- Ứng dụng CNTT trong quản trị cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ dạy học, giáo dục
- Ứng dụng CNTT tổ chức hành chính nhà trường
- Ứng dụng CNTT trong quản trị tài chính
- Ứng dụng CNTT trong quản trị chất lượng giáo dục
- Ứng dụng CNTT trong xây dựng hình ảnh nhà trường

Học viên có khả năng viết và trình bày được báo cáo chuyên đề (theo mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường đại học Hồng Đức) một cách chủ động, sáng tạo.

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất % số giờ lí thuyết, % số giờ thực hành, % số giờ tự nghiên cứu;

- Hoàn thành chuyên đề nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên; bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định đào tạo.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học / hướng dẫn

- Học viên tự nghiên cứu, theo định hướng của giáo viên

- Giảng viên có trách nhiệm gợi ý, hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; trong quá trình thực hiện chuyên đề, người học có vướng mắc, giảng viên có thể bố trí một buổi giải đáp, trao đổi; giảng viên hướng dẫn, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo, trình bày vấn đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10

7. Danh mục tài liệu tham khảo

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Kiểm, Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục NXB ĐHSP, Hà Nội 2012

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Khánh Đức (2009), Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21, NXB giáo dục Việt Nam

M21: Chuyên đề nghiên cứu 6: QUẢN LÝ GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG TRONG NHÀ TRƯỜNG/Life value education and life skills in school

- Số tín chỉ: 03

- Mã chuyên đề: 1GDC12

- Bộ môn phụ trách giảng dạy, hướng dẫn: Giáo dục học

1. Tóm tắt nội dung chuyên đề

Chuyên đề bao gồm những nội dung cơ bản về giáo dục giá trị, giáo dục kỹ năng sống; khái niệm về giá trị, giá trị sống và kỹ năng sống; các loại giá trị và kỹ năng sống; các phương pháp, con đường giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống. Từ đó giúp người học có được nền tảng lý luận để quản lý công tác giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường, góp phần giáo dục toàn diện cho người học.

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên đánh giá được vai trò, tầm quan trọng của giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường hiện nay; Xác định được các giá trị sống và kỹ năng sống cần giáo dục cho thế hệ trẻ trong nhà trường; các con đường, phương pháp giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường.

3. Năng lực cần đạt

- Học viên xác định được tầm quan trọng của giáo dục giá trị sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường
- Học viên có khả năng thiết kế nội dung, các con đường giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; Quản lý và thực hiện giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường.

4. Yêu cầu của chuyên đề

- Sau khi nghiên cứu, học viên trình bày được những nội dung cơ bản trong bản báo cáo chuyên đề như sau:

* *Đặt vấn đề*: Trình bày được tính cấp thiết của chuyên đề nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

* *Giải quyết vấn đề*: Trong mục trình bày khái quát những lý luận đã được tổng kết, bao gồm những khái niệm, những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quan điểm và các nội dung của giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường; Xây dựng được các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường.

* *Kết luận*: Những nhận định chung về kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng; Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình nghiên cứu của bản thân; Những ý kiến đề xuất để áp dụng.

- Học viên viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Biểu mẫu số 2,3,4 của Quyết định này).

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

- Phương pháp dạy học: Học viên nghiên cứu theo định hướng của giảng viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc các tài liệu tham khảo liên quan. Vào giai đoạn cuối của thời gian nghiên cứu chuyên đề bố trí ít nhất 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên, hướng dẫn học viên cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu.

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Tài liệu dạy học

7.1. Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc

Giáo trình/tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thanh Bình – Lê Thị Thu Hà - Đỗ Khánh Năm – Nguyễn Quỳnh Phương (2017), Giáo trình chuyên đề *Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) (2017), *Phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm.

2. Nguyễn Công Khanh (2019), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm.

M22: LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 15TC

- Mã học phần: 1QGLV1

- Bộ môn phụ trách: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 70% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

- Thời gian thực hiện: 6 tháng.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học viên vận dụng kiến thức tổng hợp đã tích lũy trong quá trình đào tạo để thực hiện luận văn tốt nghiệp, nghiên cứu, tìm ra các nguyên lý, lý thuyết, qui trình trong quản lý giáo dục, làm cơ sở để triển khai ứng dụng trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học viên nắm vững kiến thức chuyên sâu trong quản lý giáo dục, cụ thể là các nguyên tắc, qui trình thực hiện các giải pháp quản lý giáo dục

CO2: Học viên nghiên cứu, xác định và xây dựng các mô hình lý thuyết mới trong quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề lí luận thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục.

CO3: Có thái độ nghiêm túc, tích cực trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề án.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

CLO1: Có khả năng phân tích, đánh giá lí thuyết chuyên sâu về các vấn đề về quản lý giáo dục;

CLO2: Nghiên cứu, thiết kế các nguyên lý, mô hình, qui trình lý thuyết trong quản lý giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục.

3.2. Kỹ năng

CLO3: Thiết kế được các các nguyên lý, qui trình, mô hình lý thuyết mới trong quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục

CO4: Kỹ năng viết, trình bày báo cáo luận văn và báo cáo tóm tắt luận văn

3.2. Thái độ

CO6: Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện; linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê trong công việc.

CO7: Tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với quá trình nghiên cứu đề án cũng như kết quả nghiên cứu.

4. Nội dung thực hiện

Nội dung 1: Đăng kí đề tài luận văn và xây dựng đề cương nghiên cứu

- 1.1. Học viên đăng ký đề tài và người hướng dẫn
- 1.2. Học viên trao đổi và thống nhất người hướng dẫn về đề tài và hướng thực hiện đề tài luận văn.
- 1.3. Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài luận văn.
- 1.4. Bộ môn tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề tài luận văn
- 1.5. Học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.
- 1.6. Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề tài luận văn và người hướng dẫn cho học viên trước khi tổ chức đánh giá đề tài luận văn ít nhất 6 tháng.

Nội dung 2: Thực hiện đề tài luận văn

- 2.1. Xây dựng đề cương
- 2.2. Nghiên cứu tổng quan
- 2.3. Nghiên cứu cơ sở luận
- 2.4. Nghiên cứu lý thuyết mới (mô hình, nguyên lý, qui trình...)
- 2.5. Đề xuất hướng triển khai

Nội dung 3: Hoàn thiện báo cáo luận văn tốt nghiệp

2.1. Viết báo cáo luận văn tốt nghiệp

- Luận văn có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại Quyết định 978/QĐ-ĐHHD ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

2.2. Viết tóm tắt luận văn

- 2.2.1. Tóm tắt đề án có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi), trình bày rõ ràng, không tẩy xoá. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án.
- 2.2.2. Tóm tắt nhiều nhất trong 24 trang trên hai mặt giấy, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 11.

2.2.3. Tóm tắt phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận văn
Nội dung 3: Đánh giá luận văn tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo luận văn nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường

3.1. Đánh giá luận văn tốt nghiệp

3.1.1. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng.

3.1.2. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá luận văn

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Nội dung luận văn				
1	Hội đồng chấm nội dung luận văn	Rubric đánh giá báo cáo luận văn	CLO1- CLO7	80%
Các công trình khoa học có liên quan đến luận văn				
1	Hội đồng chấm nội dung các công trình khoa học có liên quan đến luận văn	Rubric đánh giá các bài báo khoa học	CLO1- CLO5	10%
Hình thức luận văn				
1	Hội đồng chấm hình thức báo cáo luận văn	Rubric đánh giá hình thức báo cáo luận văn	CLO4	10%
Kỹ năng trình bày báo cáo luận văn trước hội đồng				
1	Hội đồng chấm kỹ năng trình bày báo cáo luận văn	Rubric đánh giá kỹ năng báo cáo luận văn	CLO4	10%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu làm luận văn

- Sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo
- Thực hiện trong thời gian 06 tháng.
- Điều kiện để được bảo vệ luận văn
- + Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo;

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình học viên nghiên cứu luận văn tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ đạt được mục tiêu đề ra.

9. Trang thiết bị

Có đầy đủ các phương tiện, cơ sở vật chất phòng học, bảng, máy chiếu, máy tính, Internet, wifi để học tập, nghiên cứu; Trung tâm thông tin thư viện của nhà trường hiện đại, rộng lớn có đầy đủ tài liệu phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu

10. Tài liệu tham dạy học

1. Trường đại học Hồng Đức (2022), *Các biểu mẫu 1,2,3,5,6,7,8,9,10 về thực hiện Đề án tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng*, Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của về Căn cứ vào quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư 17-2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, áp dụng cho khoá tuyển sinh từ năm 2021.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thủ tướng chính phủ (2016), Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Căn cứ mục tiêu sứ mệnh đào tạo của trường
- Căn cứ Chiến lược Phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

- Đại học Hồng Đức (2022), Công văn Số 31/ĐHHD-QLĐTSDH Ngày 8/3/2022 về việc cập nhật mẫu và hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Đại học Hồng Đức (2022), Căn cứ vào Quyết định 297/QĐ - ĐHHD ngày 28 tháng 1 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về Quy định tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng (với CTĐT theo định hướng ứng dụng)/định hướng nghiên cứu (với CTĐT theo định hướng nghiên cứu) /.

- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (*đối với CTĐT trình độ thạc sĩ*)/tiên sĩ (*đối với CTĐT trình độ tiến sĩ*) tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (*đối với CTĐT trình độ thạc sĩ*)/tiên sĩ (*đối với CTĐT trình độ tiến sĩ*) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng đối với đào tạo trình độ thạc sĩ (36-48 tháng đối với đào tạo trình độ tiến sĩ);

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết (*nếu có*) cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra,

thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.



PGS.TS Bùi Văn Dũng

Handwritten mark